

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 488 /ĐTMT

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 4 năm 2021

V/v: Công bố thông tin bất thường

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
 - Mã chứng khoán: UDL
 - Mã số doanh nghiệp: 6000179936
 - Địa chỉ: Số 01 đường Đào Duy Từ - Phường Thống Nhất - Thành phố Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk;
 - Số điện thoại: 0262. 3816886
 - Số fax: 0262. 3816886
 - Email: dakurenco@moitruongdothidaklak.com.vn

2. Nội dung công bố thông tin

Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk công bố thông tin:

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Các Tài liệu kèm theo liên quan đến việc Công bố thông tin

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/4/2021 tại đường dẫn: moitruongdothidaklak.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKT (để báo cáo);
- Website CTy (thay thông báo);
- Lưu: VT.



Bùi Văn Quý

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk;
- Căn cứ Biên bản họp và tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk ngày 27/4/2021 tại địa chỉ số 01 Đào Duy Từ, phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch công tác của Hội đồng quản trị năm 2021.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch công tác của Ban Kiểm soát năm 2021.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 (trừ lĩnh vực đầu tư 03 dự án theo nội dung Công văn số 3521/UBND-KT ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk).

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2020.

Điều 5. Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021 (Theo nội dung Tờ trình số: 04/2021/TTr-DHCD ngày 06/4/2021).

Điều 6. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty (Theo nội dung Tờ trình số: 16/2021/TTr-DHCD ngày 06/4/2021).

Điều 7. Thông qua mức chi Thù lao, lương, phụ cấp và các khoản thu nhập khác Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban thư ký và Ban điều hành doanh nghiệp năm 2020 và kế hoạch năm 2021 (Theo nội dung Tờ trình số: 05/2021/TTr-DHCD ngày 06/4/2021).

Điều 8. Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty; Sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (Theo nội dung Tờ trình số: 14/2021/TTr-ĐHCD ngày 06/4/2021; Tờ trình số: 15/2021/TTr-ĐHCD ngày 06/4/2021).

Điều 9. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (Theo nội dung Tờ trình số: 11/2021/TTr-ĐHCD ngày 06/4/2021; Tờ trình số: 12/2021/TTr-ĐHCD ngày 06/4/2021).

Điều 10. Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh mới (Theo nội dung Tờ trình số: 02/2021/TTr-ĐHCD ngày 06/4/2021).

Điều 11. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021 (Theo nội dung Tờ trình số: 08/2021/TTr-ĐHCD ngày 06/4/2021).

Điều 12. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty của Ông Ngô Văn Lui kể từ ngày 05/3/2021 (Theo nội dung Tờ trình số: 07/2021/TTr-ĐHCD ngày 06/4/2021).

Điều 13. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Công ty của Bà Phan Lê Diễm Châu kể từ ngày 02/4/2021 (Theo nội dung Tờ trình số: 06/2021/TTr-ĐHCD ngày 06/4/2021).

Điều 14. Bầu bổ sung Bà Lê Thị Oanh làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.

Điều 15. Bầu bổ sung Bà Phan Thị Lam làm thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

Điều 16. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng/ban, đơn vị trong Công ty và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN THANH HÀ

**BIÊN BẢN HỌP
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Tên Doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: Số 01 đường Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Giấy CNĐKKD số: 6000179936 được điều chỉnh lần thứ 6 ngày 25/06/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Thời gian tổ chức: Bắt đầu vào lúc 08h00' ngày 27 tháng 4 năm 2021

Kết thúc vào lúc 11h30' ngày 27 tháng 4 năm 2021

Địa điểm tổ chức: Số 01 đường Đào Duy Từ, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

I. Thành phần tham dự:

1. Khách mời:

Ông: Trần Khánh Thơ Chức vụ: Trưởng phòng TC-DN - Sở Tài Chính

2. Các thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban Tổng giám đốc và các đại biểu là cổ đông của Công ty.

II. Tiến trình cuộc họp:

1. Thủ tục Khai mạc cuộc họp:

1.1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

Đại diện Ban Kiểm tra tư cách cổ đông công bố kết quả kiểm tra như sau:

Tổng số cổ đông tham dự: 62 cổ đông, sở hữu và đại diện cho: 6.246.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 94,35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk ("Công ty") đủ điều kiện tiến hành.

1.2. Giới thiệu Đoàn Chủ tọa và Thư ký:

Giới thiệu Danh sách Đoàn Chủ tọa gồm:

- | | |
|-------------------------|------------|
| 1. Ông Nguyễn Thanh Hà | Chủ tọa |
| 2. Ông Bùi Văn Quý | Thành viên |
| 3. Ông Nguyễn Hoàng Nam | Thành viên |
| 4. Ông Lê Đình Trung | Thành viên |

Biểu quyết: 100% cổ đông tham dự đồng ý bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.



Giới thiệu Thư ký cuộc họp:

- | | |
|----------------------------|------------|
| 1. Ông: Nguyễn Thành Hoàng | Trưởng ban |
| 2. Bà: Bùi Thị Thu Hiền | Thành viên |

Biểu quyết: 100% cổ đông tham dự đồng ý bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

2. Diễn biến cuộc họp:

2.1. Cổ đông tham dự cuộc họp biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử, Danh sách ứng viên và thành phần Ban Kiểm phiếu

- Cổ đông thông qua Chương trình Đại hội:

Biểu quyết: 100% cổ đông tham dự đồng ý bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

- Cổ đông thông qua Quy chế tổ chức Đại hội:

Biểu quyết: 100% cổ đông tham dự đồng ý bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

- Cổ đông thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát:

Biểu quyết: 100% cổ đông tham dự đồng ý bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

- Cổ đông bầu thành phần Ban Kiểm phiếu làm nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, thống kê và báo cáo kết quả biểu quyết. Thành phần Ban Kiểm phiếu gồm:

- | | |
|---------------------------|------------|
| 1. Ông: Nguyễn Quốc Tuấn | Trưởng ban |
| 2. Ông: Nguyễn Minh Hoàng | Thành viên |
| 3. Bà: Ngô Thị Thanh Thủy | Thành viên |

Biểu quyết: 100% cổ đông tham dự đồng ý bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

2.2. Chủ tọa phát biểu phiên khai mạc Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

2.3. Cuộc họp trình bày nội dung các báo cáo và tờ trình:

2.3.1. Ông Lê Đình Trung - Thành viên Hội đồng quản trị trình bày “Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch công tác của Hội đồng quản trị năm 2021” (có báo cáo đính kèm).

2.3.2. Ông Bùi Văn Quý - Tổng Giám đốc Công ty trình bày “Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021” (có báo cáo đính kèm).

2.3.3. Ông Lê Nguyên Vũ - Kế toán trưởng trình bày tóm tắt “Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020” (có báo cáo đính kèm).

2.3.4. Ông Lê Văn Chính - Trưởng Ban Kiểm soát trình bày “Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch công tác của Ban Kiểm soát năm 2021” (có báo cáo đính kèm).

2.3.5. Ông Bùi Văn Quý trình bày “Tờ trình về việc Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021” (có tờ trình đính kèm).

2.3.6. Ông Bùi Văn Quý trình bày “Tờ trình về việc thông qua Thù lao, lương, phụ cấp và các khoản thu nhập khác Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban thư ký và Ban điều hành doanh nghiệp” (có tờ trình đính kèm).

2.3.7. Ông Bùi Văn Quý trình bày “Tờ trình Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021” (có tờ trình đính kèm).

2.3.8. Ông Bùi Văn Quý trình bày “các Tờ trình về Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty; Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty; Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát” (có tờ trình đính kèm).

2.3.9. Ông Bùi Văn Quý trình bày “Tờ trình thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh mới” (có tờ trình đính kèm).

2.3.10. Ông Bùi Văn Quý trình bày “Tờ trình về việc Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021” (có tờ trình đính kèm).

2.4. Cuộc họp tiến hành thảo luận, nêu các câu hỏi và đóng góp ý kiến.

2.5. Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình:

- Đoàn chủ tịch hướng dẫn thể lệ biểu quyết để cổ đông biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình.

- Các cổ đông tiến hành biểu quyết. Kết quả biểu quyết như sau:

a. *Kết quả biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch công tác của Hội đồng quản trị năm 2021:*

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 6.246.200 cổ phần.
- Phương thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết.
- Số hợp lệ: 6.246.200 cổ phần.

- Số phiếu tán thành: 6.246.200 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Số không tán thành: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Số không có ý kiến: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số không hợp lệ: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

b. Kết quả biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch công tác của Ban Kiểm soát năm 2021:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 6.246.200 cổ phần.
- Phương thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết.
- Số hợp lệ: 6.246.200 cổ phần.
 - Số phiếu tán thành: 6.246.200 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không tán thành: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không có ý kiến: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số không hợp lệ: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

c. Kết quả biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 (trừ lĩnh vực đầu tư 03 dự án theo nội dung Công văn số 3521/UBND-KT ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk):

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 6.246.200 cổ phần.
- Phương thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết.
- Số hợp lệ: 6.246.200 cổ phần.
 - Số phiếu tán thành: 6.246.200 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không tán thành: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không có ý kiến: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số không hợp lệ: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

d. Kết quả biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 6.246.200 cổ phần.
- Phương thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết.
- Số hợp lệ: 6.246.200 cổ phần.
 - Số phiếu tán thành: 6.246.200 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không tán thành: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không có ý kiến: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số không hợp lệ: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

e. Kết quả biểu quyết thông qua Tờ trình về Phương án phân chia lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021; Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian và hình thức chi trả cổ tức (dự kiến đầu quý III/2021):

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 6.246.200 cổ phần.
- Phương thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết.
- Số hợp lệ: 6.246.200 cổ phần.
 - Số phiếu tán thành: 6.246.200 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không tán thành: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không có ý kiến: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số không hợp lệ: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

f. Kết quả biểu quyết thông qua Tờ trình về Thù lao, lương, phụ cấp và các khoản thu nhập khác Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban thư ký và Ban điều hành doanh nghiệp năm 2020 và kế hoạch năm 2021:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 6.246.200 cổ phần.
- Phương thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết.

- Số hợp lệ: 6.246.200 cổ phần.
 - Số phiếu tán thành: 6.246.200 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không tán thành: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không có ý kiến: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số không hợp lệ: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

g. Kết quả biểu quyết thông qua Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 6.246.200 cổ phần.
- Phương thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết.
- Số hợp lệ: 6.246.200 cổ phần.
 - Số phiếu tán thành: 6.246.200 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không tán thành: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không có ý kiến: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số không hợp lệ: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

h. Kết quả biểu quyết thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 6.246.200 cổ phần.
- Phương thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết.
- Số hợp lệ: 6.246.200 cổ phần.
 - Số phiếu tán thành: 6.246.200 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không tán thành: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không có ý kiến: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Số không hợp lệ: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

i. Kết quả biểu quyết thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 6.246.200 cổ phần.
- Phương thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết.
- Số hợp lệ: 6.246.200 cổ phần.
 - Số phiếu tán thành: 6.246.200 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không tán thành: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không có ý kiến: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số không hợp lệ: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

j. Kết quả biểu quyết thông qua Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 6.246.200 cổ phần.
- Phương thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết.
- Số hợp lệ: 6.246.200 cổ phần.
 - Số phiếu tán thành: 6.246.200 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không tán thành: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không có ý kiến: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số không hợp lệ: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

k. Kết quả biểu quyết thông qua Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 6.246.200 cổ phần.

- Phương thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết.
- Số hợp lệ: 6.246.200 cổ phần.
 - Số phiếu tán thành: 6.246.200 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không tán thành: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không có ý kiến: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số không hợp lệ: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

l. Kết quả biểu quyết thông qua Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 6.246.200 cổ phần.
- Phương thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết.
- Số hợp lệ: 6.246.200 cổ phần.
 - Số phiếu tán thành: 6.246.200 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không tán thành: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không có ý kiến: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số không hợp lệ: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

m. Kết quả biểu quyết thông qua Tờ trình về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 6.246.200 cổ phần.
- Phương thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết.
- Số hợp lệ: 6.246.200 cổ phần.
 - Số phiếu tán thành: 6.246.200 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Số không tán thành: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Số không có ý kiến: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Số không hợp lệ: 0 cổ phần. Chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

2.5. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát:

- Ông Nguyễn Quốc Tuấn thông qua Quy chế ứng cử, đề cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

Biểu quyết thông qua Quy chế: 100% cổ đông tham dự đồng ý bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

- Ông Lê Đình Trung trình bày Tờ trình về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

Biểu quyết: 100% cổ đông tham dự đồng ý bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

- Ông Lê Đình Trung thông qua danh sách ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát:

Biểu quyết: 100% cổ đông tham dự đồng ý bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

- Ông Nguyễn Quốc Tuấn hướng dẫn thể lệ bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát.

- Các cổ đông tiến hành bầu cử.

2.6. Công bố kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Nội dung	Số phiếu	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
Số phiếu đã phát	62	6.246.200	100%
Số phiếu đã thu về	62	6.246.200	100%
Số phiếu không hợp lệ	0	0	0
Số phiếu hợp lệ	62	6.246.200	100%

Kết quả kiểm phiếu:

Stt	Họ tên ứng viên	Số cổ phần bầu	Tỷ lệ/tổng số CP có quyền biểu quyết
1	Phạm Thị Minh Hoa	1.031.100	16,51%
2	Lê Thị Oanh	5.157.400	82,57%

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu thì người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là: Bà Lê Thị Oanh.

2.7. Công bố kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát

Nội dung	Số phiếu	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ
Số phiếu đã phát	62	6.246.200	100%
Số phiếu đã thu về	62	6.246.200	100%
Số phiếu không hợp lệ	1	26.400	0,42%
Số phiếu hợp lệ	61	6.219.800	99,58%

Kết quả kiểm phiếu:

Stt	Họ tên ứng viên	Số cổ phần bầu	Tỷ lệ/tổng số CP có quyền biểu quyết
1	Phan Thị Lam	6.024.600	96,45%

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu thì người trúng cử thành viên Ban kiểm soát của Công ty là: Bà Phan Thị Lam.

2.8. Thông qua nghị quyết Đại hội cổ đông

- Ông Nguyễn Thành Hoàng trình bày Dự thảo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

- Đoàn chủ tịch điều khiển Đại hội thông qua Nghị quyết của Đại hội bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

Kết quả:

Nội dung	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
Số lượng cổ phần	6.246.200	0	0
Tỷ lệ	100%	0	0

Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

2.9. Thông qua Biên bản Đại hội

Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc gồm 11 (mười một) trang được đọc công khai cho toàn thể cổ đông tham dự Đại hội cùng nghe. Đại hội đã thống nhất thông qua nội dung của Biên bản họp Đại hội và ủy quyền cho Đoàn Chủ tịch và Thư ký Đại hội cùng ký tên.

2.10. Bế mạc Đại hội

Ông Bùi Văn Quý - thay mặt Đoàn chủ tịch phát biểu và bế mạc đại hội.

Biên bản này được lập và thông qua lúc 11h25' ngày 27/4/2021./.

**ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA CUỘC HỌP
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN THANH HÀ

CÁC THÀNH VIÊN ĐOÀN CHỦ TỊCH

BÙI VĂN QUÝ

NGUYỄN HOÀNG NAM

LÊ ĐÌNH TRUNG

BAN THƯ KÝ

NGUYỄN THÀNH HOÀNG

BÙI THỊ THU HIỀN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 01 đường Đào Duy Từ - Phường Thống Nhất - Thành phố
Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

Tel : 0262. 3816886 Fax : 0262.3 816886

Website : <http://moitruongdothidaklak.com.vn>

BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Hôm nay vào lúc 08 giờ 15 phút, ngày 27/04/2021, tại Hội trường Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, số 01 Đào Duy Từ, phường Thống Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông của Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk gồm:

1. Ông Lê Văn Chính – Trưởng ban
2. Bà Phan Thị Thùy Phương – Thành viên

Đã tiến hành kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông năm 2021 xin báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tại thời điểm 08 giờ 00 phút, ngày 27/04/2021 như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: **6.620.000** (Sáu triệu, sáu trăm hai mươi ngàn) cổ phần;

- Tổng số cổ đông tham dự đại hội: 62 cổ đông, sở hữu và đại diện cho tổng số **6.246.200** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 94,35 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Các Cổ đông có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội.

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk đủ điều kiện tiến hành./.

TM BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN

Lê Văn Chính

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“Đại Hội”) của Công ty Cổ phần Đô Thị Và Môi Trường Đắk Lắk (sau đây được gọi là “Công Ty”), điều kiện và thể thức tiến hành Đại Hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông, người được cổ đông ủy quyền dự Đại Hội và các bên tham gia Đại Hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại Hội

1. Điều kiện tham dự:

Là cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công Ty tại ngày lập Danh sách cổ đông tham dự Đại Hội hoặc là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông này tham dự Đại Hội theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

- a. Được trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền;
- b. Được thông báo nội dung chương trình họp Đại Hội. Cổ đông/nhóm cổ đông có đủ điều kiện được quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty;



- c. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;
- d. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
- đ. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

- a. Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo cả giấy tờ sau và xuất trình đầy đủ khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:
 - Đối với cổ đông là cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng.
 - Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền cho người khác thực hiện quyền dự Đại hội, người được ủy quyền phải mang theo: Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng và Giấy ủy quyền hợp lệ.
 - Đối với cổ đông là tổ chức: Bản sao Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp/Quyết định thành lập (Bản sao có chứng thực hợp lệ) của tổ chức và Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người đại diện pháp luật.
 - Trường hợp cổ đông là tổ chức mà người đại diện theo pháp luật đã ủy quyền cho người khác dự Đại hội, người được ủy quyền phải mang theo: Bản sao Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp/Quyết định thành lập (Bản sao có chứng thực hợp lệ) của tổ chức, Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền và Giấy ủy quyền hợp lệ.
- b. Ăn mặc lịch sự;
- c. Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

- d. Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;
- đ. Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;
- e. Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- g. Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;
- h. Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;
- i. Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị Công ty chỉ định.
2. Ban kiểm tra tư cách thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Kiểm tra tư cách của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền hoặc người được ủy quyền đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Thư mời và các giấy tờ khác theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 2;
 - b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu cử và các tài liệu họp liên quan khác;
 - c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:
 - Trước khi khai mạc Đại hội;
 - Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).
 - d. Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.
3. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và ba (04) thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ sau:
 - a. Hướng dẫn cách bầu cử, cách sử dụng thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết;



- b. Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội;
 - c. Thu phiếu biểu quyết, Phiếu Bầu cử sau khi Đại hội biểu quyết;
 - d. Tiến hành kiểm phiếu, tính toán và loại trừ các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng vấn đề biểu quyết.
3. Trưởng Ban Kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.
 4. Ban Kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.
 5. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.
 6. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, các biên bản kiểm phiếu cho Hội đồng Quản trị Công ty ngay sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa Đại hội.
2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến

triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

6. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.
7. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.
8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập Biên bản họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Chương III

THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 8. Tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 10 của Quy chế này.
3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội



1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - e. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết:

1. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

2. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.

Điều 11. Thẻ thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu biểu quyết và được công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách đánh dấu vào 01 (một) trong 3 (ba) ô tương ứng (Tán thành/ Không tán thành/ Không có ý kiến) ghi trong Phiếu biểu quyết, sau đó ký tên vào bên dưới và bỏ vào thùng phiếu.

Điều 12. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đăng ký vào Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến (theo mẫu quy định). Trong Phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được chuyển lên Chủ tọa Đại hội xử lý. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Thời gian phát biểu không quá 05 phút. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ có các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản Đại hội.

Điều 13. Biên bản Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;



- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản Đại hội phải được lập xong và công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội;
3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty và công bố theo quy định của pháp luật.
4. Biên bản Đại hội phải được gửi tới các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày bế mạc Đại hội hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
5. Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội.

Điều 14. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua, gửi tới các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội bế mạc.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành của Quy chế

1. Quy chế này gồm bốn (04) Chương, mười bốn (14) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 4 năm 2021

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Thanh Hà

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Của Công Ty Cổ Phần Môi trường Đô thị Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Hội đồng quản trị (HDQT) báo cáo hoạt động năm 2020 và chương trình, kế hoạch năm 2021, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT TRONG NĂM 2020

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty

Năm 2020, mặc dù gặp những khó khăn nhất định do cơ chế, chính sách của Nhà nước, nhưng với những định hướng chiến lược và mục tiêu rõ ràng Công ty vẫn nỗ lực phấn đấu nhằm hoàn thành các kế hoạch đề ra, chất lượng dịch vụ được khách hàng tin tưởng, uy tín của Công ty ngày càng được nâng cao, thực hiện tốt cung ứng dịch vụ đô thị công ích, nâng cao hơn nữa khả năng đáp ứng nhanh yêu cầu của các Sở, Ban, Ngành, nhất là Phòng quản lý đô thị trong việc thực hiện các lĩnh vực do Công ty quản lý như: Lĩnh vực duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng; chăm sóc cây xanh đường phố, hoa viên, công việc công cộng và chăm sóc cây xanh, thăm cỏ tại Nhà máy thoát nước, chăm sóc và bảo vệ các Rừng; lĩnh vực thoát nước; lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải...

Với mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, bám sát với thực tế trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể người lao động của Công ty, luôn được sự quan tâm, hỗ trợ thường xuyên của các cấp, các ngành của tỉnh, thành phố, sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị đã giúp cho Công ty tận dụng được những thuận lợi, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 với kết quả đạt được như sau:

TT	Chi tiêu	Đvt	TH năm 2019	KH năm 2020	TH năm 2020	So sánh	
						TH/Cùng kỳ	TH/KH
1	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr.đg	124.147	128.448	145.914	117,53	113,6
2	Tổng chi phí	Tr.đg	112.778	118.417	135.684	120,31	114,58
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đg	11.369	10.031	10.230	89,98	101,98
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đg	8.494	8.025	8.700	102,42	108,41

2. Hoạt động, thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương và các khoản khác của Ban điều hành

2.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024 gồm 05 thành viên được bầu tại Đại hội đồng cổ đông lần đầu năm 2019, tổ chức ngày 16/5/2019. Phiên họp đầu tiên của Hội đồng quản trị đã phân công như sau:

- Ông Nguyễn Thanh Hà - Chủ tịch HĐQT
- Ông Bùi Văn Quý – Thành viên
- Ông Nguyễn Hoàng Nam – Thành viên
- Ông Lê Đình Trung – Thành viên
- Ông Ngô Văn Lui – Thành viên

Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty và nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, chỉ đạo việc xây dựng, giao kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) để các đơn vị trực thuộc chủ động triển khai thực hiện.

Năm 2020 công tác sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục được duy trì ổn định. Hội đồng quản trị duy trì sinh hoạt định kỳ mỗi quý một lần, để chỉ đạo kịp thời và nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp đột xuất, xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Hội đồng quản trị đã có các Nghị quyết, quyết định định hướng phù hợp nên Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

Nhìn chung, các thành viên Hội đồng quản trị đều tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Tại cuộc họp các thành viên của Hội đồng quản trị đã tập trung thảo luận, bàn các giải pháp cụ thể nhằm giải quyết những vấn đề trọng

tâm liên quan đến định hướng phát triển của Công ty; đưa ra những ý kiến đánh giá về chiến lược và chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020.

2.2 Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; tiền lương và các khoản khác của Ban điều hành

Stt	Chức danh	Số người	Tổng lương, thù lao, thu nhập khác đã thanh toán
I	Hội đồng quản trị	5	292.800.000
1	Chủ tịch HĐQT (Không điều hành)	1	64.800.000
2	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1	62.400.000
3	Thành viên HĐQT	3	165.600.000
II	Thư ký HĐQT	1	55.200.000
III	Ban Kiểm soát	3	441.760.000
1	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	1	331.360.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	2	110.400.000
	Tổng cộng		789.760.000



Stt	Họ và tên	Chức danh	Tổng cộng	Ghi chú
1	Bùi Văn Quý	Tổng giám đốc	368.092.000	
2	Lê Đình Trung	Phó T.Giám đốc	325.356.000	
3	Nguyễn Hoàng Nam	Phó T.Giám đốc	321.150.000	
4	Phạm Thị Thanh Sương	Phó T.Giám đốc	168.267.000	Nghỉ từ T8
5	Lê Nguyên Vũ	Kế toán trưởng	291.661.000	
	Tổng cộng		1.474.526.000	

3. Các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, HĐQT đã ban hành 6 Nghị quyết và 20 Quyết định nhằm định hướng, chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Công ty (chi tiết trình bày tại Phụ lục số 01 đính kèm Báo cáo này).

4. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

Việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và các thành viên BDH được HĐQT thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cụ thể:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ, kịp thời công tác giám sát, định hướng thông qua báo cáo và trao đổi công việc với Ban Tổng giám đốc. Ngoài các phiên họp định kỳ, Ban Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị để xử lý kịp thời và hiệu quả những vấn đề phát sinh phục vụ yêu cầu quản lý và phát triển Công ty.

- Ban Tổng giám đốc là những người có năng lực lãnh đạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao và năng động trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Luôn thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Trong năm 2020, Ban Tổng giám đốc cùng bộ máy điều hành đã nỗ lực phấn đấu làm hết trách nhiệm của mình trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đã nghiêm túc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2020, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và chỉ đạo toàn bộ hệ thống triển khai đầy đủ.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Năm 2021 sẽ đánh dấu nhiều bước chuyển biến trong hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị Công ty, nguồn thu ngân sách thành phố Buôn Mía Thuột gặp khó khăn dẫn đến nguồn kinh phí bố trí cho lĩnh vực đô thị công ích giảm, tuy nhiên khối lượng đô thị công ích ngày càng tăng (công trình cây xanh, hoa viên, hệ thống thoát nước giai đoạn 2, hệ thống điện chiếu sáng tiếp tục được đầu tư và bàn giao đưa vào sử dụng) nhưng nguồn kinh phí thì hạn hẹp, vì vậy đơn vị gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Do đó, HĐQT và Ban điều hành sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh sẵn có của Công ty đồng thời khắc phục những khó khăn còn tồn tại để đáp ứng kịp thời với xu thế phát triển của thị trường, thúc đẩy hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Về các dịch vụ trọng tâm: Hoàn thiện, duy trì và nâng cao chất lượng các dịch vụ thế mạnh của Công ty như: Vệ sinh môi trường; chăm sóc cây xanh, hoa viên, tượng đài, rừng cảnh quan; duy tu, vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa, nước thải trên địa bàn; quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng; thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải...

- Tiếp tục triển khai các mục tiêu chiến lược phát triển Công ty.

- Đảm bảo an toàn tài chính của đơn vị, đổi mới phương pháp tổ chức, nâng cao chất lượng phục vụ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp.

- Phân bổ lực lượng lao động hợp lý, sắp xếp bộ máy nhân sự tinh gọn đảm bảo linh hoạt và hiệu quả, chủ động trong công tác quản lý điều hành.

- Thực hiện tốt công tác chăm lo, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, đảm bảo thu nhập trung bình luôn vượt cao hơn mức thu nhập trong thỏa ước lao động tập thể, thực hiện tốt các chính sách, chế độ đối với người lao động...

- Đầu tư khu du lịch sinh thái tại Lâm viên hồ Ea Kao thành phố Buôn Ma Thuột; Đầu tư dự án xây dựng khu sửa chữa và bãi đậu xe ô tô chuyên dùng thuộc Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đăk Lăk; Đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời tại các khu đất được Tỉnh giao...

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đăk Lăk năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021, Hội đồng quản trị xin báo cáo với các Quý cổ đông và rất mong tiếp tục nhận được sự đóng góp, ủng hộ của các Quý cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hà



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /BC-BKS

Đắk Lắk, ngày 6 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk;
Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

Thay mặt Ban kiểm soát, Tôi xin được trình bày Báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát; kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty và Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát với các nội dung như sau:

PHẦN I
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT & KẾT QUẢ KIỂM TRA,
GIÁM SÁT NĂM 2020

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024 gồm ba thành viên:

- | | | |
|-----------------------------|---------|------------|
| 1 Ông: Lê Văn Chính | Chức vụ | Trưởng Ban |
| 2 Bà : Phan Thị Thùy Phương | Chức vụ | Thành viên |
| 3 Bà : Phan Lê Diễm Châu | Chức vụ | Thành viên |

(Riêng Bà Phan Lê Diễm Châu có đơn xin từ nhiệm từ ngày 02/4/2021)

Căn cứ vào các quy định của các Luật và Điều lệ của Công ty, bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, Ban kiểm soát đề ra kế hoạch chương trình làm việc trong năm, trong đó chú trọng đến những hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực trọng yếu sau đây:

Tham gia tất cả các cuộc họp được mời của Hội đồng quản trị, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty;

Tham gia thường xuyên các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng của Ban Tổng giám đốc.



Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2020 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Thẩm định báo cáo tài chính của Công ty, xem xét ảnh hưởng của các sai sót trọng yếu trong kế toán và Báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính;

Trong năm 2020 Ban Kiểm soát không nhận được ý kiến phản ánh nào của Cổ đông. Chi phí hoạt động Ban kiểm soát theo quy định Công ty. Thù lao Ban Kiểm soát theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Qua quá trình giám sát các hoạt động tại Công ty từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, BKS đánh giá như sau:

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 6 tháng cuối 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% TH/KH năm 2020
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	66.200	66.200	66.200	100,00
2	Doanh thu và thu nhập	Tr.đồng	59.296	128.448	145.914	113,60
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	55.037	118.417	135.684	114,58
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	4.259	10.031	10.230	101,98
5	LN trước thuế/vốn điều lệ	%	6,4	15,15	15,45	101,98
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	3.388	8.025	8.700	108,41
7	LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	5,12	12,12	13,14	108,41

Nhận xét: Ở bảng trên chỉ nhận xét phần thực hiện năm 2020/kế hoạch năm 2020. Còn các số liệu khác chỉ có tính tham khảo.

Kết quả hoạt động năm 2020 thực hiện hoàn thành và vượt mức theo kế hoạch đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tổng doanh thu và thu nhập khác thực hiện/kế hoạch năm 2020 là: 145.914 triệu đồng/128.448 triệu đồng đạt 113,6% kế hoạch đề ra.

Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thực hiện/kế hoạch năm 2020 là: 10.230 triệu đồng/10.031 triệu đồng đạt 101,98 % kế hoạch đề ra.

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thực hiện/kế hoạch năm 2020 là 8.700 triệu đồng/8.025 triệu đồng đạt 108,41 % kế hoạch đề ra.

2. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020:

Ban kiểm soát đã thực hiện đánh giá Báo cáo tài chính năm 2020 và nhận xét như sau:

Các nội dung trong báo cáo đều đảm bảo đúng thực tế, phản ánh trung thực tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như việc thực thi các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty trong hoạt động chỉ đạo điều hành của HĐQT và thực thi nhiệm vụ của Ban TGD Công ty; BCTC năm 2020 được lập đúng quy định về chế độ kế toán áp dụng; Tuy nhiên về thời gian cần phải thực hiện theo điều lệ công ty.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BTGD Công ty:

3.1 Kết quả phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị chỉ đạo điều hành có hiệu quả các hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các hoạt động SXKD năm 2020. Các cuộc họp định kỳ hàng quý và bất thường theo quy định của điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật và các nội quy, quy chế của công ty. Đáp ứng kịp thời sát với tình hình thực tế hoạt động SXKD của công ty nhờ đó đem lại hiệu quả cao

Mối quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị được thực hiện nghiêm túc, khách quan, minh bạch và tôn trọng lẫn nhau. Mỗi bên đều nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông về chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát luôn có sự trao đổi thông tin và các vấn đề liên quan đến hoạt động chung của công ty.

3.2 Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực nhằm đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công ích, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty; lợi nhuận vượt nhuận kế hoạch ĐHĐCĐ giao.



Duy trì lịch họp giao ban hàng tháng, họp bất thường khi có các vấn đề phát sinh, kịp thời đưa ra các chỉ đạo, giải pháp để tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong việc điều hành, quản lý;

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, thực hiện chức năng và quyền hạn theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty, từng bước khắc phục những tồn tại, chấp hành đầy đủ việc công bố thông tin theo quy định; Các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện theo Bộ luật lao động, Điều lệ Công ty.

Phối hợp với các tổ chức Đảng, đoàn thể trong Công ty để nâng cao hiệu quả điều hành và đảm bảo quyền lợi cho người lao động, mức tiền lương của người lao động từng bước được nâng cao.

4. Đánh giá kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT năm 2020

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và Cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để triển khai các nhiệm vụ cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu tài chính đều vượt được kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế vượt 675 triệu đồng tương đương vượt 8,41% kế hoạch. Việc phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông hàng năm với tổng giá trị lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 8.700 triệu đồng. Số tiền này sẽ được Đại hội đồng cổ đông Quyết nghị tại Đại hội đồng cổ đông trong tháng 4/2021.

Tiền lương người lao động được nâng cao. Mức trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 theo mức đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua quá trình kiểm soát trong năm 2020 cho đến thời điểm thẩm định các báo cáo, Ban kiểm soát chưa phát hiện một hiện tượng tiêu cực nào của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Đồng thời Ban kiểm soát cũng chưa nhận được phản ánh nào của Cổ đông về quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung, số liệu trong báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông. Tiếp tục thực hiện báo cáo tài chính theo quy chế đúng thời hạn, lập kế hoạch chi tiết hàng năm, Nâng cao công tác giám sát thực hành tiết kiệm đánh giá hiệu quả đầu tư. Sử dụng nguồn vốn có hiệu quả trong kinh hoạt động sản xuất kinh doanh

Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

PHẦN II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Sau khi được Đại hội bổ sung đủ các thành viên, Ban kiểm soát tiếp tục xây dựng kế hoạch và chương trình hoạt động sát thực tế với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Triển khai công tác kiểm tra, giám định định kỳ và đột xuất khi thấy cần thiết;
Thẩm định báo cáo tài chính bán niên (nếu có) và cả năm 2021 của Công ty;
Thực hiện tốt mối quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban TGD Công ty và các cổ đông;

Thực hiện kiểm tra, giám sát khác theo quy định;

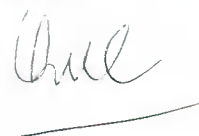
Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát, kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty và Kế hoạch hoạt động Ban kiểm soát năm 2021 Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Kính chúc đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi nhận:

- Trình DHDCĐ;
- HDQT Công ty;
- Lưu: VT, BKS Công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Lê Văn Chính



BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Kính thưa:

- Các Quý vị Cổ đông! Hội đồng Quản trị
- Đoàn Chủ Tịch

Tôi xin thay mặt Ban Tổng Giám Đốc Công ty xin trân trọng báo cáo với Đại hội về kết quả hoạt động và công tác điều hành của Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk trong năm 2020, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021, cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020

I. Tình hình chung

1. Những thuận lợi, khó khăn

a. Về mặt thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh, Thành ủy, HĐND và UBND thành phố tạo điều kiện cho Công ty hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Các sản phẩm và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty được các cấp, các ngành đánh giá cao và được cộng đồng ghi nhận, góp phần trong việc chỉnh trang và làm đẹp cho Thành phố.

- Với sự đoàn kết, nhất trí cao giữa Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban CH Công đoàn và các Tổ chức Chính trị - Xã hội, cùng với sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy Công ty vì vậy mọi chủ trương, Nghị quyết đều được Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và kịp thời.

- Trình độ đội ngũ cán bộ lãnh đạo Công ty và đội ngũ CB CNLĐ ngày càng được nâng cao, nhiệt tình trong công tác, có kinh nghiệm trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

b. Về mặt khó khăn, tồn tại:

- Nguồn kinh phí bố trí cho các hoạt động công ích của thành phố chưa đảm bảo (khối lượng các dịch vụ công ích ngày càng tăng nhưng nguồn vốn bố trí cho Công ty không tăng, Tỷ lệ tiết kiệm 12% trên tổng thể doanh thu của tất cả các lĩnh vực dịch vụ đô thị cũng làm cho Công ty giảm đáng kể doanh thu, lợi nhuận

- Công tác thu giá vệ sinh còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ các hộ dân trong vùng được phục vụ không đóng giá còn cao (khoảng 20% - 35%)



- Một số lao động chưa xác định đúng chức năng, nhiệm vụ cụ thể của mình, làm việc với năng suất, chất lượng chưa cao, làm ảnh hưởng phần nào đến hoạt động chung của Công ty

- Một số cán bộ ở các đơn vị, Phòng, Ban còn thụ động trong công việc được giao. Việc kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị trực thuộc chưa được thường xuyên, liên tục nên ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng của các dịch vụ đô thị được giao.

- Lực lượng lao động ở các Phòng, Ban, đơn vị còn cồng kềnh chưa được tinh giảm cho phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh.

II. Đánh giá tình hình lao động, tiền lương và kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020.

1. Về lao động và tiền lương:

- Số lao động đầu năm: 727 người

+ Số lao động cuối năm: 680 người

+ Tỷ lệ lao động giảm trong năm là 47 người tương đương 6,5%

- Tiền lương bình quân:

Tiền lương bình quân trong năm là: 7.400.000 đồng/người/tháng so với năm 2019 là: 6.400.000 đồng/người/tháng, tăng 1.000.000 đồng/người/tháng tương đương 15,6%. So với kế hoạch được thông qua tại Đại hội Cổ đông năm 2020: 7.000.000đ/người/tháng, tăng 400.000 đồng/người/tháng tương đương: 5,7%

2. Về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh	
						TH/Cùng kỳ	TH/KH
1	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr.đg	124.147	128.448	145.914	117,53	113,6
2	Tổng chi phí	Tr.đg	112.778	118.417	135.684	120,31	114,58
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đg	11.369	10.031	10.230	89,98	101,98
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đg	8.494	8.025	8.700	102,42	108,41

* Về Doanh thu:

- Doanh thu thực hiện năm 2020: 145.914 triệu đồng, so với cùng kỳ năm 2019: 124.147 triệu đồng, tăng 21.767 triệu đồng, tương đương 17,53%; So với kế hoạch doanh thu năm 2020: 128.448 tăng 17.466 triệu đồng, tương đương 13,6%

* Về chi phí

Chi phí thực hiện năm 2020: 135.684 triệu đồng, so với chi phí thực hiện cùng kỳ năm 2019: 112.778 triệu đồng, tăng: 22.906 triệu đồng, tương đương 20,31%. So với kế hoạch năm 2020: 118.417 triệu đồng, tăng 17.267 triệu đồng, tương đương: 14,58%

Do các nguyên nhân cụ thể như sau:

- Các chi phí: vật liệu, nhân công, máy thi công.... Tăng tương ứng theo tỷ lệ tăng của doanh thu (chủ yếu chi phí của lĩnh vực hoạt động dịch vụ khác và lĩnh vực hoạt động xây dựng tại Nghĩa trang Thành phố Buôn Ma Thuột)

- Một số tài sản, máy móc thiết bị được đầu tư, mua sắm trong năm 2020 theo Chủ trương của Hội đồng quản trị dẫn đến chi phí khấu hao tăng

- Giá thuê đất của Tỉnh thay đổi nên chi phí thuê đất của Công ty trong năm 2020 tăng từ 600 triệu đồng/năm lên 2,4 tỷ đồng/năm tương đương 400% dẫn đến chi phí sản xuất kinh doanh tăng.

*** Về Lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2020: 8.700 triệu đồng, so với lợi nhuận sau thuế thực hiện cùng kỳ năm 2019: 8.494 triệu đồng, tăng: 206 triệu đồng, tương đương 2,4%. So với lợi nhuận kế hoạch năm 2020: 8.025 triệu đồng, tăng 675 triệu đồng, tương đương 8,4%

3. Kết quả thực hiện các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị

a. Hoàn thành việc mua sắm một số phương tiện theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị chuyển tiếp từ năm 2019 chuyển sang

b. Hoàn thành việc xây dựng nhà kho chứa hóa chất tại Bãi rác Cư Bur

c. Về thực hiện 02 Dự án Xây dựng trạm xử lý nước rỉ rác và đầu tư Nhà máy xử lý rác thải bằng công nghệ đốt phát điện

Xây dựng trạm xử lý nước rỉ rác:

- Ngày 23/07/2020 Ban Tổng Giám đốc đã có Báo cáo số: 946/BC-Cty về một số nội dung liên quan đến việc xử lý hệ thống nước rỉ rác của Gói thầu BMT01A: Xây dựng bãi rác Hòa Phú thuộc dự án phát triển các thành phố loại 2 tại Quảng Nam, Hà Tĩnh và Đắk Lắk. Trong đó có đề cập đến việc chưa đầu tư hệ thống xử lý nước rỉ rác và đề nghị UBND Tỉnh đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước rỉ rác.

- Ngày 05/11/2020 Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã có ban hành Văn bản đề nghị thực hiện Dự án đầu tư trình UBND Tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Ngày 07/12/2020 Sở Kế hoạch và Đầu tư có GMH số 168/GM-SKHĐT để tổ chức cuộc họp lấy ý kiến của các Sở, ngành có liên quan về chủ trương đầu tư để tham mưu UBND Tỉnh xem xét, quyết định

- Ngày 16/12/2020 Sở Kế hoạch và Đầu tư có Công văn số 3185/SKHĐT-XTĐT để lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan về đề xuất dự án đầu tư Nhà máy xử lý nước rỉ rác cho khu chôn lấp chất thải sinh hoạt Hòa Phú Buôn Ma Thuột.

Sau khi có chủ trương đầu tư của Tỉnh, Công ty sẽ thực hiện các bước tiếp theo.

Đầu tư Nhà máy xử lý rác thải bằng công nghệ đốt phát điện tại Bãi rác Hòa Phú Buôn Ma Thuột

Ngày 15/6/2020 Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có Tờ trình số: 775/TTr-Cty về việc xin chủ trương đầu tư Nhà máy điện rác tại Cơ sở xử lý chất thải rắn Hòa Phú, Thành phố Buôn Ma Thuột để gửi các Sở ngành có liên quan. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại vẫn chưa được các Sở ngành xử lý.

Để có cơ sở đầu tư Nhà máy xử lý rác thải bằng công nghệ đốt phát điện, HĐQT đã đi tham quan tại một số đơn vị (Bình Thuận, Cần thơ, Bình Dương) để học hỏi kinh nghiệm. Sau chuyến tham quan trên xét thấy việc đầu tư Nhà máy điện rác chi phí đầu tư lớn nhưng hiệu quả không cao. Vì vậy xin Hội đồng quản trị tạm dừng dự án này.



PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Tình hình chung:

a. Về mặt thuận lợi:

Với những lợi thế về năng lực như: Máy móc, thiết bị sẵn có, đầy đủ, con người có kinh nghiệm lâu năm trong việc thực hiện dịch vụ đô thị.

b. Về mặt khó khăn:

Ngân sách bố trí để thực hiện các dịch vụ đô thị không đảm bảo, tuy nhiên khối lượng thực hiện các dịch vụ đô thị được giao ngày càng tăng, dẫn đến khối lượng, định mức bị cắt giảm, vì vậy doanh thu giảm trong khi đó chi phí cố định mà Công ty phải chi trả không đổi (khấu hao tài sản, tiền thuê đất, mua nguyên vật liệu...) vì vậy rất khó khăn cho doanh nghiệp trong mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong năm 2021.

Trong 6 tháng cuối năm 2021, dự kiến Thành phố sẽ đưa 2 lĩnh vực: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; Chăm sóc cây xanh, hoa cây cảnh, thảm cỏ. Nếu trường hợp Công ty không trúng thầu sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu, lợi nhuận, cổ tức. Mặt khác nếu không trúng thầu thì lực lượng lao động phải tinh giảm; máy móc thiết bị dôi dư, khó thực hiện được mục tiêu của cổ phần hóa doanh nghiệp là ổn định sản xuất, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động sau cổ phần hóa.

2. Mục tiêu:

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Doanh nghiệp
- Hoàn thành chỉ tiêu tài chính năm 2021
- Thực hiện tốt công tác chăm lo cuộc sống cho người lao động, đảm bảo thu nhập trung bình luôn vượt cao hơn mức thu nhập trong thỏa ước lao động tập thể, thực hiện tốt các chính sách, chế độ đối với người lao động.

3. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Đến thời điểm hiện nay, dự toán các lĩnh vực đô thị chưa được thẩm định phê duyệt. Mặt khác 6 tháng cuối năm 2021 Thành phố thực hiện đấu thầu 2 lĩnh vực: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; Chăm sóc cây xanh đường phố, hoa, cây cảnh, thảm cỏ. Do vậy chưa có cơ sở để xác định chính xác doanh thu, lợi nhuận và một số chỉ tiêu tài chính khác.

Với tình hình nêu trên, Công ty dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 2020	KẾ HOẠCH 2021	KH/TH %
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	66.200	66.200	100
2	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr.đồng	145.914	127.889	87,65
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	135.684	118.147	87,08
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	10.230	9.742	95,23

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 2020	KẾ HOẠCH 2021	KH/TH %
5	Lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ	%	15,45	14,71	95,21
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	8.700	7.794	89,6
7	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	13,18	11,77	89,3

5. Các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

5.1 Công tác Tổ chức quản lý sản xuất:

- Xếp xếp lại tổ chức bộ máy Phòng, Ban, Xí nghiệp, Đội trên tinh thần gọn, nhẹ. Tiếp tục rà soát hoàn thiện công tác quản lý, điều hành ở từng Phòng, Ban, đơn vị sản xuất, tận dụng phương tiện xe máy sẵn có để mở rộng các dịch vụ kinh doanh.

- Rà soát các tài sản hoạt động không hiệu quả, đề xuất Hội đồng Quản trị cho thanh lý.

- Từng bước nâng cao tiền lương, thu nhập cho người lao động. Phần đầu tiên lương của người lao động bình quân đạt từ 7,0 triệu đồng/người/.

5.2 Công tác tài chính và kiểm soát chi phí, công nợ:

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch tài chính sát với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát sử dụng các nguồn tiền một cách hiệu quả nhất để góp phần gia tăng lợi nhuận.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc Công ty

Trên đây là Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hành động năm 2021 trình Đại Hội.

Cuối cùng thay mặt Ban Tổng Giám Đốc Công ty xin gửi tới Quý vị Cổ đông và gia quyến lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thịnh vượng, chúc Đại hội thành công tốt đẹp Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu: VT, hồ sơ ĐHĐCĐ.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Quý

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 – 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (nay là Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk) tiền thân là Công ty Quản lý đô thị và Vệ sinh môi trường được thành lập theo quyết định 731/1999/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 4/9/1999 và được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 04/07/2008 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 6000179936 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/09/2008. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 06 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 25/06/2019.

Công ty chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk; Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk với vốn điều lệ là 66.200.000.000 VND. Theo giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 19 tháng 06 năm 2019 gửi Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk thì ngày bắt đầu hoạt động của Công ty Cổ phần là ngày 01/07/2019.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 885/QĐ-SGDHN ngày 31/12/2019.

Mã chứng khoán là UDL.

Vốn điều lệ: 66.200.000.000 đồng.

Vốn đầu tư chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2020: 66.200.000.000 đồng.

Trụ sở chính

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: (0262) 3813047

Fax: (0262) 3813047

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐO THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó chủ yếu là: dịch vụ thu gom vận chuyển, xử lý rác thải, trồng, chăm sóc cây xanh đô thị, điện chiếu sáng công cộng, xử lý nước thải, thoát nước mưa và dịch vụ xây lắp.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết hoạt động công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước thải, nghĩa trang, nhà tang lễ, lâm viên cảnh, hoa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;
- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và sản xuất đá xây dựng, đá trang trí các loại;
- Sản xuất máy thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý đô thị và vệ sinh môi trường đô thị;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: Sản xuất phân bón từ rác thải, phân vi sinh, các chế phẩm xử lý môi trường;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị điện;
- Hợp đồng dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ mai táng, hỏa táng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, cỏ thảm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Dịch vụ tổ chức sự kiện;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ hút hầm vệ sinh, rửa xe ô tô;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp-Trụ sở hoạt động.

3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

3.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch	16/05/2019	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Văn Quý	Thành viên	16/05/2019	
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	16/05/2019	
Ông Lê Đình Trung	Thành viên	16/05/2019	
Ông Ngô Văn Lui	Thành viên	16/05/2019	05/03/2021

3.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Chính	Trưởng ban	16/05/2019	
Bà Phan Thị Thùy Phương	Thành viên	16/05/2019	
Bà Phan Lê Diễm Châu	Thành viên	16/05/2019	

4.2 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Ông Lê Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Bà Phạm Thị Thanh Sương	Phó Tổng Giám đốc	04/07/2019	28/07/2020
Ông Lê Nguyên Vũ	Kế toán trưởng	04/07/2019	

4. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch	16/05/2019	
Ông Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	04/07/2019	

5. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 42.

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

7. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

8. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đính kèm. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



BÙI VĂN QUÝ

Tổng Giám đốc

Đắk Lắk, Ngày 29 tháng 03 năm 2021



Số: 25/2021/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2021, từ trang 08 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ

kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Như đã nêu tại mục số VII.3, Thuyết minh báo cáo tài chính, số liệu kỳ trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ kế toán đầu tiên sau khi cổ phần hóa, chỉ có tính chất tham khảo, không thể so sánh được vì có sự khác biệt về thời gian so sánh (năm trước là 6 tháng, năm nay là 12 tháng).

TP. Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- **VIETVALUES**



Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNDKHN số: 2896-2019-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

DIT VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		104.019.666.384	80.221.678.156
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	28.962.240.824	55.714.467.629
111	1. Tiền		14.962.240.824	25.714.467.629
112	2. Các khoản tương đương tiền	V.2	14.000.000.000	30.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		36.000.000.000	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.3	36.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		36.353.235.574	22.921.714.640
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.4	32.199.895.184	20.390.870.246
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.5	725.789.990	443.443.990
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	3.582.205.506	2.242.055.510
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(154.655.106)	(154.655.106)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	2.571.172.814	1.406.702.945
141	1. Hàng tồn kho		2.571.172.814	1.406.702.945
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		133.017.172	178.792.942
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		133.017.172	178.792.942
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		884.302.824.522	957.862.781.859
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		144.979.710.160	148.230.418.887
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	144.979.710.160	148.230.418.887
222	- Nguyên giá		315.874.125.629	304.424.768.356
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(170.894.415.469)	(156.194.349.469)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	-	-
228	- Nguyên giá		208.000.000	208.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(208.000.000)	(208.000.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		738.263.996.994	808.480.367.244
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	738.263.996.994	808.480.367.244
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.059.117.368	1.151.995.728
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	1.059.117.368	1.151.995.728
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		988.322.490.906	1.038.084.460.015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ P. Thống Nhất, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Bảng cân đối kế toán (riêng) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		79.665.676.332	87.433.335.084
310	I. Nợ ngắn hạn		79.665.676.332	87.433.335.084
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	5.533.223.493	25.665.300.278
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	3.717.278.916	2.211.951.912
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	1.807.822.815	918.696.351
314	4. Phải trả người lao động	V.16	19.165.197.940	6.967.140.901
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	100.000.000	187.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	40.627.265.537	40.508.790.913
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	8.714.887.631	10.974.454.729
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		908.656.814.574	950.651.124.931
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	77.870.322.662	69.588.061.936
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		66.200.000.000	66.200.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		66.200.000.000	66.200.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		202.000.000	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.20	11.468.322.662	3.388.061.936
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		2.767.701.936	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		8.700.620.726	3.388.061.936
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		830.786.491.912	881.063.062.995
431	1. Nguồn kinh phí		743.248.150.732	787.449.923.815
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		87.538.341.180	93.613.139.180
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		988.322.490.906	1.038.084.460.015

Người lập biểu



TRẦN THỊ THẢO

Kế toán trưởng



LÊ NGUYÊN VŨ



ngày 29 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám Đốc

BÙI VĂN QUÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

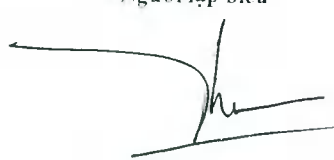
Kết quả hoạt động kinh doanh

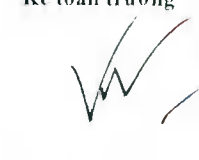
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

DVT: VND

Mã số	CHI TIÊU	Thuyết minh	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	142.917.633.413	58.576.457.603
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		26.522.091	28.124.182
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		142.891.111.322	58.548.333.421
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	124.561.237.589	48.929.847.244
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.329.873.733	9.618.486.177
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	2.863.746.176	701.775.210
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	10.673.742.353	6.092.370.414
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.519.877.556	4.227.890.973
31	11. Thu nhập khác	VI.5	159.425.280	45.569.826
32	12. Chi phí khác	VI.6	449.068.471	15.093.466
40	13. Lợi nhuận khác		(289.643.191)	30.476.360
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.230.234.365	4.258.367.333
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.15	1.529.613.639	870.305.397
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.700.620.726	3.388.061.936
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	1.061	440
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	1.061	440

Người lập biểu

TRẦN THỊ THẢO

Kế toán trưởng

LÊ NGUYÊN VŨ

Buôn Ma Thuột, ngày 29 tháng 03 năm 2021
Tổng Giám Đốc

BÙI VĂN QUÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		140.607.316.067	60.755.603.558
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(61.714.112.739)	(16.250.857.971)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(55.479.999.016)	(29.568.404.620)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(1.027.668.163)	(2.534.820.507)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		54.217.072.962	16.847.008.452
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(56.820.279.004)	(31.186.334.455)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		19.782.330.107	(1.937.805.543)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(11.495.857.273)	(1.465.918.182)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(46.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		961.300.361	686.049.337
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(46.534.556.912)	(779.868.845)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(26.752.226.805)	(2.717.674.388)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		55.714.467.629	58.432.905.280
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(763.263)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	28.962.240.824	55.714.467.629

Người lập biểu

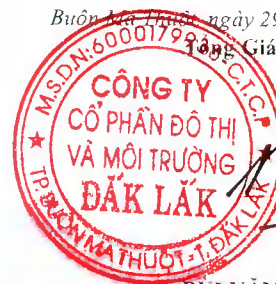
TRẦN THỊ THẢO

Kế toán trưởng

LÊ NGUYỄN VŨ

Buôn Ma Thuột, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Giám Đốc



BUI VĂN QUÝ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk; Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 ngày 25 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk với vốn điều lệ là 66.200.000.000 VND. Theo giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 19 tháng 06 năm 2019 gửi Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk thì ngày bắt đầu hoạt động của Công ty Cổ phần là ngày 01/07/2019. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 6000179936 (được điều chỉnh lần thứ 6 ngày 25/06/2019 của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000179936 cấp ngày 05/09/2008) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 885/QĐ-SGDHN ngày 31/12/2019.

Mã chứng khoán là UDL.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó chủ yếu là: dịch vụ thu gom vận chuyển, xử lý rác thải, trồng, chăm sóc cây xanh đô thị, điện chiếu sáng công cộng, xử lý nước thải, thoát nước mưa và dịch vụ xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết hoạt động công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước thải, nghĩa trang, nhà tang lễ, lâm viên cảnh, hoa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và sản xuất đá xây dựng, đá trang trí các loại;
- Sản xuất máy thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý đô thị và vệ sinh môi trường đô thị;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nơ tơ. Chi tiết: Sản xuất phân bón từ rác thải, phân vi sinh, các chế phẩm xử lý môi trường;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị điện;
- Hợp đồng dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ mai táng, hỏa táng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, cò thảm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Dịch vụ tổ chức sự kiện;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ hút hầm vệ sinh, rửa xe ô tô;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 675 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 01/01/2020 là 707 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản

Thời gian khấu hao (năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc

10 – 20

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 06
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 04

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:
- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán/chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính/chi phí cho vay và đi vay vốn/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh/Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác/khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ/lỗ tỉ giá hối đoái

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế;
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	1.140.455.909	70.095.982
- Tiền gửi ngân hàng	13.821.784.915	25.644.371.647
+ Vietcombank - CN Đắk Lắk (VND)	601.722.536	23.671.911.658
+ Vietin - CN Đắk Lắk (VND)	-	1.248.400.277
+ Kho bạc Nhà nước Đắk Lắk (VND)	7.258.762.673	715.426.706
+ BIDV - CN Đắk Lắk (VND)	5.952.271.705	-
+ NH TMCP Đông Nam Á - CN Đắk Lắk (VND)	9.028.001	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương VN CN Đắk Lắk (USD)	-	1.885,12 # 8.633.006
Cộng	14.962.240.824	25.714.467.629

2. Tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	14.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng BIDV - CN Đắk Lắk	4.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đắk Lắk	10.000.000.000	3.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đắk Lắk	-	9.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 2 tháng	-	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đắk Lắk	-	5.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng	-	13.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đắk Lắk	-	13.000.000.000
Cộng	14.000.000.000	30.000.000.000

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	32.000.000.000	32.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đắk Lắk	32.000.000.000	32.000.000.000	-	-
Cộng	36.000.000.000	36.000.000.000	-	-

Trang 23

Trang 24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	154.655.106	154.655.106
Cộng	154.655.106	154.655.106

Tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn

	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
Số dư đầu năm	154.655.106	-
Tăng trong năm	-	154.655.106
Hoàn nhập trong năm	-	-
Cộng	154.655.106	154.655.106

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	905.563.500	-	214.160.395	-
Công cụ, dụng cụ	70.726.027	-	69.799.704	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.594.883.287	-	1.122.742.846	-
Cộng	2.571.172.814	-	1.406.702.945	-

- Nguyên vật liệu là dầu diesel, nhớt, các vật tư dùng để xây dựng mộ, bóng đèn, tụ điện, ống nước và một số vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là thùng rác, chổi quét rác
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị xây dựng dở dang các công trình xây dựng mộ chưa hoàn thành tại 31/12/2020.
- Cuối kỳ, Công ty không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31/12/2020.
- Công ty không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-
Phải thu khách hàng là các đối tượng khác	32.199.895.184	20.390.870.246
Phòng quản lý đô thị	28.122.151.000	14.138.903.962
Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	759.594.000	942.032.736
Phòng Tài chính KH Thành Phố	411.557.000	2.389.834.000
Các đối tượng khác	2.906.593.184	2.920.099.548
Cộng	32.199.895.184	20.390.870.246

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	725.789.990	443.443.990
Công ty TNHH XNK Ô tô Tây Nguyên	200.000.000	-
Công ty TNHH TM và Thiết bị Môi trường Hiệp Hoà	100.000.000	-
Các đối tượng khác	425.789.990	443.443.990
Cộng	725.789.990	443.443.990

6. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là các bên liên quan				
(xem thuyết minh VII.1c)	-	-	8.290.000	-
Công ty TNHH XDCE Hoàng Nam	-	-	8.290.000	-
Phải thu khác là các đối tượng khác	3.582.205.506		2.233.765.510	
Lãi dự thu	2.005.336.985	-	102.891.170	-
Tạm ứng	818.390.173	-	597.789.398	-
Phải thu nhân viên về BHXH	448.951.910	-	790.941.323	-
Thu lại tiền thương ban QLDH	86.321.000	-	190.500.000	-
Công ty TNHH xây dựng Phú Cường	164.300.000	-	-	-
TT phát triển quỹ đất TP BMT	-	-	390.670.000	-
Phải thu khác	58.905.438	-	160.973.619	-
Cộng	3.582.205.506	-	2.242.055.510	-

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	154.655.106	154.655.106
Cộng	154.655.106	154.655.106

Tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn

	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
Số dư đầu năm	154.655.106	-
Tăng trong năm	-	154.655.106
Hoàn nhập trong năm	-	-
Cộng	154.655.106	154.655.106

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	905.563.500	-	214.160.395	-
Công cụ, dụng cụ	70.726.027	-	69.799.704	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.594.883.287	-	1.122.742.846	-
Cộng	2.571.172.814	-	1.406.702.945	-

- Nguyên vật liệu là dầu diesel, nhớt, các vật tư dùng để xây dựng mộ, bóng đèn, tụ điện, ống nước và một số vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là thùng rác, chổi quét rác
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị xây dựng dở dang các công trình xây dựng mộ chưa hoàn thành tại 31/12/2020.
- Cuối kỳ, Công ty không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31/12/2020.
- Công ty không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	204.096.322.388	37.561.944.524	61.331.214.757	1.233.926.687	201.360.000	304.424.768.356
Mua sắm trong năm	-	4.252.950.000	7.242.907.273	-	-	11.495.857.273
Thanh lý, nhượng bán	(46.500.000)	-	-	-	-	(46.500.000)
Số cuối năm	204.049.822.388	41.814.894.524	68.574.122.030	1.233.926.687	201.360.000	315.874.125.629
Trong đó:						
- TSCĐ dùng kinh doanh	20.876.348.062	37.543.722.524	65.146.838.030	1.233.926.687	201.360.000	125.002.195.303
- TSCĐ dùng công ích	178.643.107.326	4.271.172.000	1.992.101.000	-	-	184.906.380.326
- TSCĐ dùng phúc lợi	4.530.367.000	-	1.435.183.000	-	-	5.965.550.000
Khấu hao						
Số đầu năm	94.849.022.575	13.087.999.119	47.153.960.088	1.057.840.687	45.527.000	156.194.349.469
Khấu hao trong năm	6.483.958.000	4.731.654.000	3.372.553.000	73.401.000	85.000.000	14.746.566.000
Giảm khác	(46.500.000)	-	-	-	-	(46.500.000)
Số cuối năm	101.286.480.575	17.819.653.119	50.526.513.088	1.131.241.687	130.527.000	170.894.415.469
Trong đó:						
- TSCĐ dùng kinh doanh	8.470.352.675	13.635.426.119	48.687.472.088	1.131.241.687	130.527.000	72.055.019.569
- TSCĐ dùng công ích	92.015.763.900	4.184.227.000	1.035.339.000	-	-	97.235.329.900
- TSCĐ dùng phúc lợi	800.364.000	-	803.702.000	-	-	1.604.066.000
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	109.247.299.813	24.473.945.405	14.177.254.669	176.086.000	155.833.000	148.230.418.887
Số cuối năm	102.763.341.813	23.995.241.405	18.047.608.942	102.685.000	70.833.000	144.979.710.160
Trong đó:						
- TSCĐ dùng kinh doanh	12.405.995.387	23.908.296.405	16.459.365.942	102.685.000	70.833.000	52.947.175.734
- TSCĐ dùng công ích	86.627.343.426	86.945.000	956.762.000	-	-	87.671.050.426
- TSCĐ dùng phúc lợi	3.730.003.000	-	631.481.000	-	-	4.361.484.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Nguyên giá TSCD đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 54.330.267.557 đồng.

Nguyên giá TSCD đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 31/12/2020 là 0 đồng.

Không có tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2020.

Trong tổng nguyên giá của Tài sản cố định tại ngày 31/12/2020 bao gồm giá trị của 09 xe chuyên dùng do UBND tỉnh Đắk Lắk tạm giao cho Công ty quản lý và sử dụng theo Công văn số 1582/UBND-KT ngày 01/3/2018 của UBND Tỉnh Đắk Lắk về việc tạm giao tài sản cho Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk quản lý và sử dụng. Công ty đang ghi nhận tăng giá trị tài sản cố định hữu hình và phải trả khác với số tiền là 32.928.110.482 đồng. Chi tiết:

STT	Tên TSCD	Biển kiểm soát	Nguyên giá đã có thuế	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại
I	Máy móc, thiết bị		22.217.357.133	4.235.637.000	17.981.720.133
1	Máy đầm rác Caterpillar		8.798.483.699	896.142.000	7.902.341.699
2	Máy ủi bánh xích Caterpillar	47XA-1047	7.818.634.547	2.769.100.000	5.049.534.547
3	Máy đào bánh xích Caterpillar	47XA-1048	5.600.238.887	570.395.000	5.029.843.887
II	Phương tiện vận tải		10.710.753.349	3.192.863.000	7.517.890.349
1	Xe xi téc chở nước HINO	47C-15599	1.702.083.108	376.349.000	1.325.734.108
2	Xe tải ben tự đổ	47C-15650	2.143.079.465	473.859.000	1.669.220.465
3	Xe cuốn ép rác 9m ³	47C-15655	1.647.059.493	606.349.000	1.040.710.493
4	Xe cuốn ép rác 9m ³	47C-15642	1.647.059.493	539.849.000	1.107.210.493
5	Xe cuốn ép rác 9m ³	47C-15640	1.647.059.493	488.866.000	1.158.193.493
6	Xe cuốn ép rác 15m ³	47C-15575	1.924.412.297	707.591.000	1.216.821.297
Cộng			32.928.110.482	7.428.500.000	25.499.610.482

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phân mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	208.000.000	208.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	208.000.000	208.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	208.000.000	208.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	208.000.000	208.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 208.000.000 đồng. Không có tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản	738.263.996.994	808.480.367.244
- Bãi chôn chất thải rắn	6.341.692.000	6.341.692.000
- CT xây dựng tiểu hoa viên góc Ngõ gia tự- Tôn đức thắng	3.604.485.000	3.604.485.000
- CT công viên Tân Thành (Công viên Sơn La) thành phố Buôn Ma Thuột	-	6.024.313.000
- Công trình Cải tạo nâng cấp HT mương thoát nước phường Tân Tiến	-	42.661.620.699
- CT cải tạo vỉa hè đường Đinh Tiên Hoàng	1.958.402.000	1.958.402.000
- CT mở rộng nâng cấp đường y nông đoạn từ MXT đến TL1	29.697.957.059	23.952.102.059
- CT đường vào Viện KHCN nông lâm nghiệp Tây Nguyên	20.511.243.040	20.511.243.040
- CT Đường liên khối 6 P. Khánh Xuân	-	15.222.608.000
- Thâm BTN 06 trục đường nội thành	26.020.410.000	26.020.410.000
- Công trình đường đi thôn 8 xã Cư ề bua	-	17.413.000.000
- CT quy hoạch bãi chôn lấp CTR tại phía nam TP BMT (Hòa Phú)	216.441.987.710	218.855.268.710
- CT mở rộng, nâng cấp đường Trần Quý cáp (đoạn Ywang - NV cũ)	295.950.198.185	292.028.898.736
- Thâm BTN một số tuyến đường thành phố BMT (50 tuyến)	76.950.661.000	66.290.500.000
- Xây dựng mở rộng Nghĩa trang TP	60.786.961.000	60.786.961.000
- Công viên Sơn La TP Buôn Ma Thuột (giai đoạn 2)	-	6.808.863.000
Cộng	738.263.996.994	808.480.367.244

Không có tài sản xây dựng cơ bản dở dang dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2020.

Toàn bộ các công trình đầu tư xây dựng cơ bản dở dang ở trên đây là giá trị đầu tư từ nguồn kinh phí sự nghiệp cấp, không phải là tài sản kinh doanh của công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	805.080.568	714.695.169
- Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	233.786.800	411.308.437
- Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	20.250.000	25.992.122
Cộng	1.059.117.368	1.151.995.728

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước

	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
Số dư đầu năm	1.151.995.728	766.248.264
Tăng trong năm	1.447.621.147	1.417.249.332
Phân bổ trong năm	(1.540.499.507)	(1.031.501.868)
Số dư cuối năm	1.059.117.368	1.151.995.728

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh số VII.1.c)	1.294.428.000	12.151.110.000
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	1.294.428.000	12.151.110.000
Phải trả người bán là các đối tượng khác	4.238.795.493	13.514.190.278
Công Ty TNHH An Nguyên	1.012.175.000	8.152.055.000
Công ty TNHH Phương Đông	175.965.600	2.043.031.600
Các đối tượng khác	3.050.654.893	3.319.103.678
Cộng	5.533.223.493	25.665.300.278

Tại ngày 31/12/2020 không có khoản nợ phải trả nào đến hạn trả nhưng chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác	3.717.278.916	2.211.951.912
Các khách hàng giao khoán xây dựng mộ	3.264.120.000	1.762.279.000
Các đối tượng khác	453.158.916	449.672.912
Cộng	3.717.278.916	2.211.951.912

15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm
Thuế GTGT	670.992.502	6.108.415.968	5.773.498.367	1.005.910.103
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	233.612.045	1.529.613.639	1.027.668.163	735.557.521
Thuế thu nhập cá nhân	14.091.804	735.173.246	682.909.859	66.355.191
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.505.394.430	2.505.394.430	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí và lệ phí	-	5.846.547	5.846.547	-
Cộng	918.696.351	10.887.443.830	9.998.317.366	1.807.822.815

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Trong năm Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo Nghị Quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội.

(*) Trong tổng số thuế TNDN phải nộp phát sinh trong năm bao gồm 6.163.637 đồng là thuế TNDN phải nộp cho nhà nước từ tiền cho thuê nhà vệ sinh lưu động là tài sản công ích do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk giao Công ty quản lý sử dụng, Số tiền này sau khi nộp 20% thuế TNDN, Công ty chuyển trả về cho Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.230.234.365	4.258.367.333
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	511.850.771	93.159.650
Điều chỉnh tăng	511.850.771	93.159.650
- Phạt vi phạm hành chính, thuế bị truy thu	233.428.771	5.559.650
- Các khoản chi phí không được trừ	103.222.000	-
- Thủ lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	175.200.000	87.600.000
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	10.742.085.136	4.351.526.983
Thuế TNDN	2.148.417.027	870.305.397
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.148.417.027	870.305.397
Thuế TNDN được giảm 30% theo nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020	(644.525.108)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.529.613.639	870.305.397
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.503.891.919	870.305.397
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	25.721.720	-

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các diện tích đất đang sử dụng bao gồm đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp, đơn giá thuê đất ở mỗi địa bàn khác nhau có giá khác nhau.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người lao động	19.165.197.940	6.967.140.901
Cộng	19.165.197.940	6.967.140.901

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí kiểm toán	100.000.000	187.000.000
Cộng	100.000.000	187.000.000

18. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác các bên liên quan	-	-
Phải trả khác các đối tượng khác	40.627.265.537	40.508.790.913
- Phải trả về cổ phần hóa (*)	6.843.152.882	6.843.152.882
- Kinh phí công đoàn	129.419.781	75.511.387
- Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	74.167.099	173.305.791
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (**)	32.928.110.482	32.928.110.482
- Tạm ứng	336.474.266	235.867.895
- Phải trả khác	315.941.027	252.842.476
Cộng	40.627.265.537	40.508.790.913

(*) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện điều chỉnh vốn điều lệ theo phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần đã được phê duyệt theo Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Ủy Ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, sau khi Công ty ghi nhận tăng đủ số vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hóa là 66.200.000.000 VND, phần giá trị còn lại 6.798.170.162 đồng được kết chuyển thành một khoản phải trả cổ phần hóa cho chủ sở hữu. Đồng thời trong tổng số dư phải trả về cổ phần hóa này bao gồm chênh lệch các khoản phải thu – phải trả liên quan đến quá trình cổ phần hóa của Công ty như các khoản chi phí cổ phần hóa, chi chế độ lao động dôi dư, thu tiền bán cổ phần.

(**) Đây là giá trị của 09 xe chuyên dùng do UBND tỉnh Đắk Lắk tạm giao cho Công ty quản lý và sử dụng theo Công văn số 1582/UBND-KT ngày 01/3/2018 của UBND Tỉnh Đắk Lắk về việc tạm giao tài sản cho Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk quản lý ghi tăng tài sản cố định và phải trả khác với giá trị là 32.928.110.482 đồng. (Tham chiếu thuyết minh số V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

(* Chi tiết số dư phải trả về cổ phần hóa

Vốn Nhà nước tại 30/06/2017 (thời điểm định giá):	78.676.833.039
Giá trị Vốn Nhà nước phát sinh sau định giá đến thời điểm cổ phần (Từ 01/07/2017 đến 30/06/2019)	(5.678.662.877)
- Lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn từ 01/07/2017 đến 30/06/2019	15.268.333.753
- Giá trị tài sản dùng cho hoạt động sự nghiệp chuyển sang kinh doanh	273.311.000
- Giá trị tài sản sân bãi đổ xe	873.577.000
- Chênh lệch tỷ giá	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(12.407.651.041)
- Trích quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành	(248.490.000)
- Lợi nhuận nộp về ngân sách Nhà nước	(1.496.246.682)
- Giá trị tài sản dùng cho kinh doanh chuyển sang hoạt động sự nghiệp	(7.054.022.907)
- Mua 10 nhà vệ sinh di động dùng cho hoạt động sự nghiệp	(887.474.000)
Vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần	(66.200.000.000)
Chi phí cổ phần hóa giữ lại chi không hết phải nộp về Nhà nước	44.982.720

Phải trả về cổ phần hóa tại 31/12/2020	6.843.152.882
---	----------------------

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	1.340.198.630	2.364.238.630
Quỹ phúc lợi	3.013.204.001	3.923.999.099
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	4.361.485.000	4.686.217.000
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	-	-
Cộng	8.714.887.631	10.974.454.729

Tình hình biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm:

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.364.238.630	142.000.000	(1.166.040.000)	1.340.198.630
Quỹ phúc lợi	3.923.999.099	332.340.909	(1.243.136.007)	3.013.204.001
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	4.686.217.000	-	(324.732.000)	4.361.485.000
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	-	-	-	-
Cộng	10.974.454.729	474.340.909	(2.733.908.007)	8.714.887.631

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu

20 a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/07/2019	66.200.000.000	-	-	66.200.000.000
Tăng trong kỳ	-	-	3.388.061.936	3.388.061.936
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	66.200.000.000	-	3.388.061.936	69.588.061.936
Số dư tại 01/01/2020	66.200.000.000	-	3.388.061.936	69.588.061.936
Tăng trong năm	-	202.000.000	8.700.620.726	8.902.620.726
Tăng khác	-	-	53.640.000	53.640.000
Giảm trong năm (*)	-	-	(674.000.000)	(674.000.000)
Số dư tại 31/12/2020	66.200.000.000	202.000.000	11.468.322.662	77.870.322.662

(*) Công ty phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

20 b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	36,00%	23.832.000.000	36,00%	23.832.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	34,89%	23.097.000.000	34,89%	23.097.000.000
Bà Phạm Thị Minh Hoa	10,00%	6.620.000.000	0,00%	-
Ngô Văn Lui	0,00%	-	10,00%	6.620.000.000
Các cổ đông khác	19,11%	12.651.000.000	19,11%	12.651.000.000
Cộng	100%	66.200.000.000	100%	66.200.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20 c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	66.200.000.000	66.200.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	66.200.000.000	66.200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

20 d. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.620.000	6.620.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.620.000	6.620.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.620.000	6.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.620.000	6.620.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.620.000	6.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

20 e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	3.388.061.936	-
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận	53.640.000	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ	8.700.620.726	3.388.061.936
Phân phối lợi nhuận	674.000.000	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	674.000.000	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	472.000.000	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	202.000.000	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11.468.322.662	3.388.061.936

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

21. Tài khoản ngoài bảng

a. Tài sản nhận giữ hộ

Tài sản nhận giữ hộ là các tài sản bỏ ra khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, hiện Công ty vẫn đang quản lý chưa bàn giao về cho cơ quan nhà nước, cụ thể:

Chỉ tiêu	Số cuối năm		
	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình			
- Máy móc thiết bị	1.050.235.000	1.050.235.000	-
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	267.000.000	267.000.000	-
Cộng	1.317.235.000	1.317.235.000	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu

	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
Doanh thu bán hàng hóa	124.089.993	57.809.085
Doanh thu cung cấp dịch vụ	118.348.068.888	48.474.031.262
Doanh thu hợp đồng xây dựng	24.445.474.532	10.044.617.256
Cộng	142.917.633.413	58.576.457.603

2. Giá vốn

	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	97.528.222	42.640.255
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	102.073.701.372	39.791.878.474
Giá vốn của hoạt động xây lắp	22.390.007.995	9.095.328.515
Cộng	124.561.237.589	48.929.847.244

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Chi phí khác

	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
Các khoản phạt và truy thu thuế	233.428.771	5.559.650
Chi phí không hợp lý hợp lệ khác	103.222.000	-
Các khoản khác	112.417.700	9.533.816
Cộng	449.068.471	15.093.466

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.312.976.295	10.608.505.634
Chi phí nhân công	84.756.781.864	35.391.069.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.347.036.000	3.016.233.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.683.193.640	1.973.755.820
Chi phí khác bằng tiền	7.206.673.790	3.796.022.519
Cộng	136.306.661.589	54.785.586.728

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.700.620.726	3.388.061.936
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.678.600.000)	(472.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	(1.678.600.000)	(472.000.000)
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.022.020.726	2.916.061.936
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.620.000	6.620.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.061	440

(*) Điều chỉnh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020. Theo đó, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 472.000.000 đồng. Do đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là 440 đồng/cổ phiếu thay vì 512 đồng/cổ phiếu như đã trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

(**) Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2020 của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020.

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.022.020.726	2.916.061.936
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.022.020.726	2.916.061.936
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.620.000	6.620.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.061	440

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan****a. Các bên liên quan**

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	Cổ đông lớn chiếm 34,89% vốn điều lệ

b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan**b.1 Các giao dịch mua bán khác**

Tên Công ty	Giao dịch	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
Mua hàng			
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	Mua vật tư	-	288.800.000
	Dịch vụ xây lắp	972.911.000	2.245.271.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Số dư với các bên liên quan

Tên Công ty	31/12/2020	01/01/2020
Nợ phải thu khác ngắn hạn		
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	-	8.290.000
Phải trả người bán		
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	1.294.428.000	12.151.110.000

d. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
Hội đồng quản trị	292.800.000	146.400.000
Thù lao	292.800.000	146.400.000
- Nguyễn Thanh Hà	64.800.000	32.400.000
- Bùi Văn Quý	62.400.000	31.200.000
- Lê Đình Trung	55.200.000	27.600.000
- Nguyễn Hoàng Nam	55.200.000	27.600.000
- Ngô Văn Lui	55.200.000	27.600.000
Cổ tức nhận được	-	-
Ban Tổng Giám đốc	1.182.865.000	618.704.000
Tiền lương	1.182.865.000	618.704.000
- Bùi Văn Quý	368.092.000	175.714.000
- Lê Đình Trung	325.356.000	154.892.000
- Phạm Thị Thanh Swong	168.267.000	138.000.000
- Nguyễn Hoàng Nam	321.150.000	150.098.000
Cổ tức nhận được	-	-
Ban kiểm soát	441.760.000	216.960.000
Tiền lương chuyên trách	331.360.000	161.760.000
- Lê Văn Chính	331.360.000	161.760.000
Thù lao	110.400.000	55.200.000
- Phan Thị Thùy Phương	55.200.000	27.600.000
- Phan Lê Diễm Châu	55.200.000	27.600.000
Cộng	1.917.425.000	982.064.000

2. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu giá vốn của Công ty theo khu vực địa lý chi phát sinh trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

STT	Nội dung	Năm nay (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, 12 tháng)	Năm trước (từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019, 06 tháng)
1.	Doanh thu	142.917.633.413	58.576.457.603
	Doanh thu bán hàng hóa	124.089.993	57.809.085
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	118.348.068.888	48.474.031.262
	Doanh thu hợp đồng xây dựng	24.445.474.532	10.044.617.256
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	26.522.091	28.124.182
	Giảm giá hàng bán dịch vụ	20.203.000	11.164.182
	Giảm giá hàng bán xây dựng	6.319.091	16.960.000
2.	Giá vốn	124.561.237.589	48.929.847.244
	Giá vốn của hàng hóa đã bán	97.528.222	42.640.255
	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	102.073.701.372	39.791.878.474
	Giá vốn của hoạt động xây lắp	22.390.007.995	9.095.328.515
3.	Lãi gộp	18.329.873.733	9.618.486.177
	Bán hàng hóa	26.561.771	15.168.830
	Cung cấp dịch vụ	16.254.164.516	8.670.988.606
	Hợp đồng xây dựng	2.049.147.446	932.328.741

3. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm và số liệu năm trước là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Số liệu năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ kế toán đầu tiên sau khi cổ phần hóa chỉ có tính chất tham khảo, không thể so sánh được vì có sự khác biệt về thời gian so sánh (năm trước là 6 tháng, năm nay là 12 tháng). Số dư đầu kỳ của Báo cáo tài chính này được lấy theo số dư cuối kỳ của báo cáo tài chính của kỳ kế toán từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu báo cáo công bố trong Báo cáo tài chính

Người lập biểu



TRẦN THỊ THẢO

Kế toán trưởng



LÊ NGUYỄN VŨ

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 03 năm 2021



Tổng Giám đốc

BÈ VĂN QUÝ

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận năm 2020
và Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Phương án phân chia lợi nhuận năm 2019, năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

1. Phương án phân chia lợi nhuận 06 tháng cuối năm 2019 và năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (Triệu đồng)	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	10.230		
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối	8.700	100%	
3	Trích lập các quỹ	2.610	30%	
3.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	783		
3.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.760		
3.3	Trích quỹ khen thưởng người quản lý công ty (10% phần lợi nhuận vượt kế hoạch)	67		
4	Số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm chốt danh sách chia cổ tức	6.620.000		
5	Cổ tức 06 tháng cuối năm 2019 và năm 2020: 1.338đ/CP	8.858		
5.1	Cổ tức 06 tháng cuối năm 2019	2.768		
5.2	Cổ tức năm 2020	6.090	70%	

2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (Triệu đồng)	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối	7.794	100%	
2	Trích lập các quỹ	1.560	20%	
2.1	<i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	780	10%	
2.2	<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	780	10%	
3	Số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm chốt danh sách chia cổ tức	6.620.000		
4	Cổ tức năm 2021 (941d/CP)	6.234	80%	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN THANH HÀ

TỜ TRÌNH
Về việc Thông qua Thù lao, lương, phụ cấp
và các khoản thu nhập khác Thành viên Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát, Ban thư ký và Ban điều hành doanh nghiệp.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk;
- Căn cứ nhu cầu thực tiễn về tổ chức, hoạt động kinh doanh của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện Thù lao, lương, phụ cấp và các khoản thu nhập khác Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban thư ký và Ban điều hành doanh nghiệp năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

I. Thực hiện năm 2020

1. Thù lao, lương và các khoản thu nhập khác thành viên Hội đồng quản trị , Ban thư ký Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

STT	Chức danh	Số người	Tổng thù lao đã thanh toán
I	Hội đồng quản trị	5	292.800.000
1	Chủ tịch HĐQT (Không điều hành)	1	64.800.000
2	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1	62.400.000
3	Thành viên HĐQT	3	165.600.000
II	Thư ký HĐQT	1	55.200.000
III	Ban Kiểm soát	3	441.760.000
1	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	1	331.360.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	2	110.400.000
	Tổng cộng		789.760.000

2. Lương và các khoản thu nhập khác Ban điều hành doanh nghiệp:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng cộng	Ghi chú
1	Bùi Văn Quý	Tổng giám đốc	368.092.000	

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng cộng	Ghi chú
2	Lê Đình Trung	Phó T.Giám đốc	325.356.000	
3	Nguyễn Hoàng Nam	Phó T.Giám đốc	321.150.000	
4	Phạm Thị Thanh Sương	Phó T.Giám đốc	168.267.000	Nghỉ từ T8
5	Lê Nguyên Vũ	Kế toán trưởng	291.661.000	
	Tổng cộng		1.474.526.000	

II. Kế hoạch trả Thù lao, lương, phụ cấp và các khoản thu nhập khác Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban thư ký và Ban điều hành doanh nghiệp năm 2021:

1. Thù lao, lương và các khoản thu nhập khác Thành viên Hội đồng quản trị, Ban thư ký Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

- Chủ tịch HĐQT (Không điều hành): 5.400.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc: 5.200.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT: 4.600.000 đồng/tháng
- Thư ký HĐQT: 4.600.000 đồng/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 330.000.000 đồng/năm
 - + Lương: 24.000.000 đồng/tháng
 - + Các khoản thu nhập khác: 42.000.000 đồng/năm
- Thành viên Ban kiểm soát: 4.600.000 đồng/tháng

2. Lương và các khoản thu nhập khác Ban điều hành doanh nghiệp:

- Tổng giám đốc: 370.000.000 đồng/năm
- Phó Tổng Giám đốc: 325.000.000 đồng/năm
- Kế toán trưởng: 290.000.000 đồng/năm

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN THANH HÀ

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc bầu bổ sung ngành nghề kinh doanh mới

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Của Công Ty Cổ Phần Môi trường Đô thị Đắk Lắk đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 28/05/2019:

Nhu cầu thực tiễn về tổ chức, hoạt động của Công ty,

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua việc bổ sung mới các ngành nghề kinh doanh như sau:

1. Bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh mới sau đây:

- Tên ngành: Hoạt động vui chơi giải trí. Mã ngành: 9329

- Tên ngành: Hoạt động thể thao khác. Mã ngành: 9319

- Tên ngành: Giáo dục mẫu giáo. Mã ngành: 8512

- Tên ngành: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Mã ngành: 6810

- Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị – Người đại diện pháp luật của Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Hội đồng quản trị tiến hành cập nhật nội dung bổ sung về ngành nghề kinh doanh trong Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Hà

Số : 04/2021/TT-DHCD

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty cổ phần
Đô thị và Môi trường Đắk Lắk năm 2021

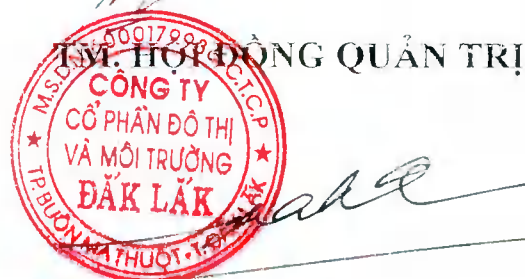
Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày và các văn bản hướng dẫn thi hành
- Căn cứ Điều lệ Của Công Ty Cổ Phần Môi trường Đô thị Đắk Lắk đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 28/05/2019;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (Trđ)	Ghi chú
1	Tổng Doanh thu	127.889	
2	Tổng Chi phí	118.147	
3	Lợi nhuận trước thuế	9.742	
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối	7.794	
5	Thuế nộp NSNN	10.107	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.



Nguyễn Văn Hà

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

- Căn cứ Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/5/2019 của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk lần thứ nhất đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm 2019 – 2021

- Căn cứ Kế hoạch vốn Ngân sách Thành phố bố trí năm 2021 cho lĩnh vực dịch vụ công ích.

- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2020.

Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Doanh thu thực hiện năm 2020:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Lĩnh vực hoạt động	Doanh thu thực hiện năm 2019	Doanh thu thực hiện năm 2020		So sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/Cùng kỳ	TH/Kế hoạch
A	Doanh thu dịch vụ					
I	Lĩnh vực đô thị	81.475	84.628	95.996	117,82	115,43
1	Thu gom vận chuyên rác	25.031	26.898	28.007	111,88	104,12
2	xử lý rác	4.818	7.251	7.617	158,09	105,04
3	Nước rỉ rác	0	0	1.022	100,00	100,00
4	Thoát nước mưa	1.386	1.509	2.337	168,61	154,88
5	Thoát nước thải	4.294	4.439	4.014	93,47	90,43
6	Điện chiếu sáng	11.390	10.846	12.857	112,87	118,54
7	Cây xanh, hoa cây cảnh	19.187	19.539	25.417	132,46	130,09
8	Cây xanh thoát nước	2.727	2.746	2.756	101,06	100,36
9	Cây xanh đường phố	12.642	11.400	11.969	94,67	104,99
II	Lĩnh vực rừng	4.518	4.495	4.340	96,06	96,55
III	Lĩnh vực khác	12.995	14.957	17.207	132,41	115,04
1	Bảo tàng, nhà đày	1.225	1.685	1.685	137,55	100,00
2	VP Tỉnh, HĐND, UBND Tỉnh	278	278	296	106,47	106,47
4	Thu phí vệ sinh	9.807	10.545	10.999	112,15	104,31
5	Khác	1.685	2.449	4.227	250,86	172,6
IV	Lĩnh vực Xây dựng	23.427	22.818	25.349	108,2	111,1
1	Hoạt động Nghĩa trang	21.190	20.000	20.307	95,83	101,53
2	Xây dựng khác	2.237	2.818	5.042	225,43	178,96
B	Hoạt động tài chính và	1.732	1.550	3.022	174,48	194,96

	thu nhập khác					
1	Hoạt động tài chính	1.425	1.500	2.863	200,91	190,87
2	Thu nhập khác	307	50	159	51,79	318
	Tổng cộng doanh thu	124.147	128.448	145.914	117,53	113,6

2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu tài chính năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Lĩnh vực	Thực hiện chỉ tiêu tài chính năm 2019	Kế hoạch chỉ tiêu tài chính năm 2020	Kết quả thực hiện chỉ tiêu tài chính năm 2020	So sánh cùng kỳ (năm 2020/năm 2019)	So sánh (T/hiện/ Kế hoạch)
1	Tổng Doanh thu	124.147	128.448	145.914	117,53	113,6
2	Tổng chi phí	112.778	118.417	135.684	120,31	114,58
3	Lợi nhuận trước thuế	11.369	10.021	10.230	89,98	101,98
4	Lợi nhuận sau thuế	8.494	8.025	8.700	102,42	108,41
5	Thuế nộp NSNN	11.149	9.806	10.887	97,65	111,02
6	Thu nhập bình quân	6,4	7,0	7,4	115,6	105,7

3. Phân tích tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020:

3.1. Về Doanh thu:

Doanh thu thực hiện năm 2020: 145.914 triệu đồng, so với cùng kỳ năm 2019: 124.147 triệu đồng, tăng 21.767 triệu đồng, tương đương 17,53%; So với kế hoạch doanh thu năm 2020: 128.448 tăng 17.466 triệu đồng, tương đương 13,6%

3.2. Về Chi phí:

Chi phí thực hiện năm 2020: 135.684 triệu đồng, so với chi phí thực hiện cùng kỳ năm 2019: 112.778 triệu đồng, tăng: 22.906 triệu đồng, tương đương 20,31%. So với kế hoạch năm 2020: 118.417 triệu đồng, tăng 17.267 triệu đồng, tương đương: 14,58%

3.3. Về Lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2020: 8.700 triệu đồng, so với lợi nhuận sau thuế thực hiện cùng kỳ năm 2019: 8.494 triệu đồng, tăng: 206 triệu đồng, tương đương 2,4%. So với lợi nhuận kế hoạch năm 2020: 8.025 triệu đồng, tăng 675 triệu đồng, tương đương 8,4%

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Đánh giá tình hình năm 2021:

Năm 2021 nguồn thu ngân sách thành phố Buôn Ma Thuột gặp khó khăn dẫn đến nguồn kinh phí bố trí cho lĩnh vực đô thị công ích giảm, tuy nhiên khối lượng đô thị công ích ngày càng tăng (công trình cây xanh, hoa viên, hệ thống thoát nước giai đoạn 2, hệ thống điện chiếu sáng tiếp tục được đầu tư và bàn giao

đưa vào sử dụng) nhưng nguồn kinh phí thì hạn hẹp, vì vậy đơn vị gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Căn cứ Công văn số: 388/UBND-TCKH ngày 28/01/2021 của UBND Thành phố Buôn Ma thuật, 2 lĩnh vực đô thị công ích: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; Chăm sóc cây xanh, hoa cây cảnh, thảm cỏ sẽ đưa vào đấu thầu trong 6 tháng cuối năm 2021. Nếu trường hợp Công ty không trúng thầu sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu, lợi nhuận, tỷ lệ chia cổ tức. Mặt khác nếu không trúng thầu thì lực lượng lao động phải tinh giảm; máy móc thiết bị dôi dư, khó thực hiện được mục tiêu của cổ phần hóa doanh nghiệp là ổn định sản xuất, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động sau cổ phần hóa.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Đến thời điểm hiện nay, dự toán các lĩnh vực đô thị chưa được thẩm định phê duyệt. Mặt khác 6 tháng cuối năm 2021 đấu thầu 2 lĩnh vực: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; Chăm sóc cây xanh đường phố, hoa, cây cảnh, thảm cỏ. Do vậy chưa có cơ sở để xác định chính xác doanh thu, lợi nhuận và một số chỉ tiêu tài chính khác.

Với tình hình nêu trên, Công ty chỉ đưa ra số liệu dự kiến các hoạt động dịch vụ trong năm 2021 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Trđ

Stt	Các lĩnh vực	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh thực hiện 2020/KH 2021
A	Doanh thu dịch vụ	142.892	126.609	88,6
I	Lĩnh vực đô thị	95.996	81.805	85,22
1	Thu gom vận chuyển rác	28.007	21.091	75,31
2	xử lý rác	7.617	6.607	86,74
3	Nước rỉ rác	1.022	1.022	100
4	Thoát nước mưa	2.337	1.592	68,12
5	Thoát nước thải	4.014	4.109	102,37
6	Điện chiếu sáng	12.857	11.571	90,0
7	Cây xanh, hoa cây cảnh	25.417	23.825	93,74
8	Cây xanh thoát nước	2.756	2.451	88,93
9	Cây xanh đường phố	11.969	9.537	79,68
II	Lĩnh vực rừng	4.340	3.467	79,88
III	Lĩnh vực khác	17.207	18.441	107,17
1	Bảo tàng, nhà đày	1.685	1.751	103,92
2	VP Tỉnh, HĐND, UBND Tỉnh	296	332	112,16
4	Thu phí vệ sinh	10.999	11.818	107,45



5	Dịch vụ khác	4.227	4.540	107,4
IV	Lĩnh vực Xây dựng	25.349	22.896	90,32
1	Hoạt động Nghĩa trang	20.307	20.300	99,97
2	Xây dựng khác	5.042	2.596	51,49
B	Hoạt động TC và TN khác	3.022	1.280	42,36
	Tổng cộng (A+B)	145.914	127.889	87,65

3. Một số chỉ tiêu tài chính trong năm 2021

Đơn vị tính: Trđ

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch Năm 2021	Tỷ lệ % (2021/2020)
1	Vốn điều lệ	66.200	66.200	100
2	Tổng doanh thu	145.914	127.889	87,65
3	Tổng chi phí	135.684	118.147	87,08
4	Lợi nhuận trước thuế	10.230	9.742	95,23
5	Thuế TNDN (20%)	1.530	1.948	127,35
6	Lợi nhuận sau thuế	8.700	7.794	89,58
7	Thuế nộp NSNN	10.887	10.107	92,84
8	Tỷ lệ phân chia lợi tức (%/cphiếu)	8,5	8,7	102,35

Trên đây là Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần đô thị và Môi trường Đăk Lăk, phát huy kết quả đã đạt được trong năm 2020, toàn thể cán bộ - Công nhân viên Công ty quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2021.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (để b/c);
- Sở TC (để b/c);
- HDQT (để b/c);
- Ban KS (để b/c);
- Ban TGD (để t/h)
- Lưu VT, PKH./.



Bùi Văn Quý

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc sửa đổi nội dung tại Điều lệ của Công ty

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Của Công Ty Cổ Phần Môi trường Đô thị Đắk Lắk đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 28/05/2019;

Nhu cầu thực tiễn về tổ chức, hoạt động của Công ty,

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung các điều khoản cụ thể của Điều lệ của Công ty (xin vui lòng tham chiếu Phụ lục đính kèm).

2. Thông qua Điều lệ mới của Công ty (bao gồm các điều, khoản đã được sửa đổi, bổ sung).

3. Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và thay thế cho Điều lệ đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 28/05/2019 cùng với các bản Phụ lục đính kèm Điều lệ (nếu có).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hà

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sửa đổi lần thứ I)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, sửa đổi lần thứ I (gọi tắt là Điều lệ)

Điều lệ này bao gồm 21 Mục và 59 Điều, đã được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021.

Điều lệ này thay thế cho Điều lệ đã ban hành theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/5/2019 của Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.

Điều 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc Công ty; phối hợp với Ban kiểm soát thực hiện Điều lệ này nhằm đảm bảo công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk đúng quy định của pháp luật.



Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc và các cổ đông Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đăk Lăk chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hà



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK


Đắk Lắk, Ngày 27 tháng 4 năm 2021



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	1
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	1
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	2
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	5
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	6
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	6
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	7
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	7
Điều 12. Quyền của cổ đông	7
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	8
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	12
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	16
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	19
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	20
Điều 28. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	22
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	24
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	25
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	25

ĐOC
CÔ
Ổ PH
Ả M
ĐÃ
ON M

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	25
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	25
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	26
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	26
Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát.....	26
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát.....	27
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	27
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	27
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	28
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	28
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	29
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	29
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	30
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	30
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	30
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	31
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	31
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	31
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	31
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	31
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	31
Điều 48. Năm tài chính.....	32
Điều 49. Chế độ kế toán	32
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	32
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	32
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	32
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	32
Điều 52. Kiểm toán.....	32
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	33
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp	33
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	33
Điều 54. Giải thể công ty.....	33
Điều 55. Gia hạn hoạt động	33
Điều 56. Thanh lý	33
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	34
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	34
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	34
Điều 58. Điều lệ công ty.....	34
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	34
Điều 59. Ngày hiệu lực	34

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 27 tháng 4 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. *Luật doanh nghiệp* là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - d. *Luật chứng khoán* là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp loại hình Công ty Cổ phần lần đầu;
 - g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - k. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - n. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - o. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề Mục, Điều của Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **DAK LAK URBAN AND ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **DAKURENCO**

2. Công ty là công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở chính của Công ty

- Địa chỉ: Số 01 đường Đào Duy Từ, phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

- Điện thoại: 0262.3816886

- Fax: 0262.3816886 – 3856522

- E-mail: dakurengo@moitruongdothidaklak.com.vn

- Website: <http://moitruongdothidaklak.com.vn>

- Logo:



4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập là vô thời hạn. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Quyền hạn và nghĩa vụ của từng người đại diện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình điện	4221
2	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị điện chiếu sáng	3314
3	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
4	Xây dựng công trình công ích khác	4229

STT	Tên ngành	Mã ngành
5	Xây dựng công trình đường bộ	4212
6	Xây dựng công trình thuỷ	4291
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
8	Phá dỡ	4311
9	Chuẩn bị mặt bằng	4312
10	Lắp đặt hệ thống điện	4321
11	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
12	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
13	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
14	Trồng rau, đậu và các loại hoa Chi tiết: Trồng hoa hàng năm	0118
15	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây hàng năm khác còn lại như: Trồng cỏ, chăm sóc cỏ.	0119
16	Trồng cây ăn quả Chi tiết: Trồng cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới	0121
17	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây cảnh lâu năm; trồng cây lâu năm khác còn lại.	0129
18	Nhân và chăm sóc giống cây hàng năm	0131
19	Nhân và chăm sóc giống cây lâu năm	0132
20	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
21	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan Chi tiết: Hoạt động khai thác yến ở hang, xây nhà gọi yến	0170
22	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc rừng cây thân gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng khác; Ươm giống cây lâm nghiệp.	0210
23	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
24	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
25	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
26	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
27	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại Chi tiết: Sản xuất dụng cụ, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý đô thị và vệ sinh môi trường	2512



STT	Tên ngành	Mã ngành
28	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511
29	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
30	Thu gom rác thải không độc hại	3811
31	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
32	Thu gom rác thải độc hại	3812
33	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
34	Tái chế phế liệu	3830
35	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
36	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
37	Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Buôn bán hoa và cây	4620
38	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
39	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Buôn bán vật tư thiết bị điện	4659
40	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chờ khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.	4932
41	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng	4933
42	Cho thuê xe có động cơ	7710
43	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
44	Cung ứng lao động tạm thời	7820
45	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
46	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
47	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
48	Hoạt động vui chơi giải trí	9329
49	Hoạt động thể thao khác	9319
50	Giáo dục mẫu giáo	8512
51	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Sử dụng và huy động vốn trong sản xuất kinh doanh gắn với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương có hiệu quả nhằm tăng lợi nhuận.

- Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh đã nêu trong giấy phép hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty, cổ đông và người lao động, đảm bảo quyền lợi và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện làm việc cho người lao động.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Công ty đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 66.200.000.000 đồng (Sáu mươi sáu tỷ, hai trăm triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 6.620.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

5. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

a. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Ban Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;

k. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

l. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

m. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

n. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:



a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

1. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

(Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác)

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản.

trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

ê. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21 ngày) trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp..

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để

cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- d. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn hai mươi tư (24 giờ), kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm

Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước

khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

d. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 05 (năm) tỷ đồng trở lên trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội

đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác trong Công ty gồm: Các chức danh trực tiếp tư vấn, tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Giám đốc Công ty con, Trưởng văn phòng đại diện; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên

Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này; Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.



3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan..

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một

nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;



e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục và 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc nhất trí thông qua 27/4/2021 tại Hội trường Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Đắc Lắc, ngày 27 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Thanh Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ
VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : M./2021/TT-DHCD

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

Nhu cầu thực tiễn về tổ chức, hoạt động của Công ty

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị như sau:

1. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.
2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. /.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 72 /QĐ-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.

Quy chế này bao gồm 7 Chương, 24 Điều, đã được thông qua theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021.

Điều 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc Công ty; phối hợp với Ban kiểm soát thực hiện Quy chế này nhằm đảm bảo công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc và các cổ đông Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**



Đắk Lắk, Ngày 27 tháng 4 năm 2021



MỤC LỤC

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	1
Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	1
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	3
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	6
Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	7
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	8
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	9
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	10
Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	10
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	12
Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	13
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm	13
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan	14
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành	15
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	15
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	16
Điều 24. Hiệu lực thi hành	16

799
G
AN
DIT
K
ATH

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày tháng năm 2021

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

- b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 5 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
 - d. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng

thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

- 1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.



2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông

báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

- Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

- Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
- Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

- Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.



Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thanh Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ
VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : ~~MT~~/2021/TT&ĐHCEĐ

Đắk Lắk, ngày 0. tháng H. năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/v sửa đổi nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày và các văn bản hướng dẫn thi hành

Điều lệ Của Công Ty Cổ Phần Môi trường Đô thị Đắk Lắk đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 28/05/2019;

Nhu cầu thực tiễn về tổ chức, hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung các điều khoản cụ thể của Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty (*xin vui lòng tham chiếu Phụ lục đính kèm*).

2. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty (bao gồm các điều, khoản đã được sửa đổi, bổ sung).

3. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho Quy chế quản trị nội bộ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/5/2019 cùng với các bản phụ lục đính kèm Quy chế (nếu có)./.

**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 73 /QĐ-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
(sửa đổi lần thứ I)**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

Căn cứ Nghị quyết 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, sửa đổi lần thứ I.

Quy chế này bao gồm 7 Điều, đã được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021.

Quy chế này thay thế cho Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty đã ban hành theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/5/2019.

Điều 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc Công ty; phối hợp với Ban kiểm soát thực hiện Điều lệ này nhằm đảm bảo công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc và các cổ đông Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**



Đắk Lắk, Ngày 27 tháng 4 năm 2021



MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông	1
Điều 3. Hội đồng quản trị.....	10
Điều 4. Ban Kiểm soát	16
Điều 5. Tổng Giám đốc.....	18
Điều 6. Các hoạt động khác	19
Điều 7. Hiệu lực thi hành	20

017
CÔNG
HÀ
MÔ
DÁP
MAY

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đô thị và môi trường Đắk Lắk
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27. Tháng 4 năm 2021

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc); trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

a1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

a2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

i. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng

ii. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

iii. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

iv. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

v. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

vi. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

vii. Các công việc khác phục vụ đại hội.

b. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

i. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.

ii. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã

số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

iii. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

c. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

d. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

d1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

d2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.

d3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

i. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

ii. Phiếu biểu quyết.

d4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

đ. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

d1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

đ2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

đ3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- i. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- ii. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- iii. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

đ4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

e. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

e1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.

e2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

g. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

g1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

i. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề

ng nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

ii. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

h. Điều kiện tiến hành:

h1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

h2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

h3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

h4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

k. Cách thức bỏ phiếu:

k1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

k2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi

l. Cách thức kiểm phiếu:

Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp

m. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:



m1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- i. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- ii. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- iii. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

iv. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

v. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

m2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

m3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

n. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

o. Cách thức phân đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

i. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

ii. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

p. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

p1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- ii. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- iii. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- iv. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

v. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

vi. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

vii. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

viii. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

ix. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

p2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

p3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

q. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

c1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

c2. Mục đích lấy ý kiến;



c3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông

c5. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c6. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

c7. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

c8. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

d. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

d1. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

d2. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

d3. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

đ. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

đ1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

đ2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

đ3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

đ4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ5. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

đ6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

e. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn hai mươi tư (24 giờ), kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

g. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

h. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến:

a. Việc triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi thư mời họp và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Việc đăng ký tham dự Đại hội cổ đông trực tuyến được thực hiện theo hướng dẫn của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam hoặc bên cung cấp nền tảng tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty và quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

d. Điều kiện tiến hành:

d1. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định của Điều 18 Điều lệ công ty và quy định tại Điều 145 Luật Doanh nghiệp.

d2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

i. Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.

ii. Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.

iii. Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

iv. Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

d. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

Việc thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và cách thức bỏ phiếu trực tuyến được thực hiện theo hướng dẫn của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam hoặc bên cung cấp nền tảng tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

e. Thông báo kết quả kiểm phiếu

e1. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

e2. Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

g. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

g1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

g2. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện như quy định tại Khoản 2 và 3 Quy chế này.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

a. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

b. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

b1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

b3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác

b4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

b5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;;

b6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

b7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

b8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

b9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác trong Công ty gồm: Các chức danh trực tiếp tư vấn, tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Giám đốc Công ty con, Trưởng văn phòng đại diện; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

b10. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

b11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

b12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

b13. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.

b14. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

b15. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

b16. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

b17. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

c. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

d. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

e. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng

12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2. Thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

b. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

b1. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b2. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

b3. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

b4. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

b5. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

3. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

b1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

i. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

ii. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

iii. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

iv. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật này thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

c. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

c1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- i. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- ii. Trình độ chuyên môn;
- iii. Quá trình công tác;
- iv. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- v. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- vi. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

c2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

c3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

d. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

đ. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

đ1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- i. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật này;
- ii. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- iii. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

đ2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- i. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- ii. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

đ3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

đ4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- i. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- ii. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật này;
- iii. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

e. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

4. *Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị*

a. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

b. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên

c. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên

d. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

đ. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

e. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Người phụ trách quản trị công ty:

a. Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

b. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

c. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

c1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

c2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

c4. Tham dự các cuộc họp;

c5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

c6. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

c7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

c8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

c9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

c10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

d. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần thiết nhưng không được trái với các quy định hiện hành của Luật lao động, Điều lệ công ty và các quy định có liên quan

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

đ. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

a. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

a1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- i. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- ii. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

c. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

c1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty.

c2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

d. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty

đ. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

- đ1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - i. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này; Luật doanh nghiệp;
 - ii. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - iii. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - iv. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
- đ2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:



- i. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - ii. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - iii. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - iv. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
- e. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát
Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật chứng khoán.
- g. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.
Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

g1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

g2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

g3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

a. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

b. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

b1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

b3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

b4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

b7. Tuyển dụng lao động;

b8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

b9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

a. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật.

b. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

b1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

b2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

c. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

Thẩm quyền ký kết và phê duyệt các điều khoản hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc tại Điều 27 Điều lệ Công ty. Một thành viên của Hội đồng quản trị được ủy quyền sẽ ký hợp đồng với Tổng Giám đốc.

d. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc được miễn nhiệm và chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Điều lệ, Luật lao động và pháp luật có liên quan.

đ. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty, các cơ quan hữu quan, trang thông tin điện tử website của Công ty theo trình tự và quy định về công bố thông tin của Luật chứng khoán.

e. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị và được quy định trong hợp đồng lao động. Tiền lương của Tổng giám đốc được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

a. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định về cuộc họp của Hội đồng quản trị tại Điều 30 Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.



b. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;

Các nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng quản trị phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

c. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc:

Các nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Hội đồng quản trị phải được gửi đến Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

d. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

d1. Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ Công ty.

d2. Tổng giám đốc xin ý kiến Hội đồng quản trị những vấn đề không thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc quy định tại Khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty.

đ. Tổng Giám đốc phải báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị và theo quy định của Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

e. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc, các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

2. Việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đăk Lăk bao gồm 7 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Thanh Hà

Số 12 /2021/TTr-ĐHCĐ

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk;

Nhu cầu thực tiễn về tổ chức, hoạt động của Công ty,

Ban Kiểm soát kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát như sau:

1. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
2. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua./.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Nguyễn Thanh Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**



Đắk Lắk, Ngày 27 tháng 4 năm 2021



MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát	1
Chương II. KIỂM SOÁT VIÊN	1
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên	1
Điều 4. Quyền Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên	2
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên	2
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	3
Điều 7. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên	3
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	4
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	4
Chương III. BAN KIỂM SOÁT	5
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	5
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	7
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	8
Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	8
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	8
Chương V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	8
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	8
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	9
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	10
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 19. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên	10
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	10
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	11
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	11
Điều 22. Hiệu lực thi hành	11

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 Quy chế này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 27 tháng 4 năm 2021

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II. KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.



3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Quyền Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có 3 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

238
TY
ĐỒ
NƯỚC
LẮ
LỖT

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của

công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ (nếu có) của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.



Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

Chương V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.



Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Kiểm soát viên của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với Kiểm soát viên hoặc với những người có liên quan của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các Kiểm soát viên.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2021

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Lê Văn Chính



**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc đề cử, ứng cử và bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“Đại Hội”) của Công ty Cổ phần Đô Thị Và Môi Trường Đắk Lắk (sau đây được gọi là “Công Ty”).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông ủy quyền dự Đại Hội của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các bên tham gia Đại Hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị

1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d. Tiêu chuẩn khác theo Điều lệ Công ty quy định (nếu có)

2. Ứng cử, đề cử ứng viên để bầu làm thành viên Hội đồng quản trị

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (tại ngày 7/4/2021) có quyền đề cử, ứng cử thành viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm số ứng viên còn lại và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi đề cử. Ứng viên được Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm phải đủ tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

3. Hồ sơ ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng quản trị gồm:

- Đơn ứng cử hoặc đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị theo mẫu công ty đăng tải trên website: moitruongdothidaklak.com.vn hoặc có thể nhận tại trụ sở Công ty (01 bản gốc).
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị theo mẫu công ty đăng tải trên website: moitruongdothidaklak.com.vn hoặc có thể nhận tại trụ sở Công ty (01 bản gốc).



- Tài liệu chứng minh người ứng cử hoặc người đề cử sở hữu cổ phần Công ty tại ngày 7/4/2021 đủ tỷ lệ được đề cử, ứng cử
- Bản sao có công chứng CMND/CCCD, hộ khẩu và các văn bằng, chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn của ứng viên.
- Các văn bản khác chứng minh ứng viên đủ điều kiện, tiêu chuẩn (nếu có).

Điều 4. Thành viên Ban Kiểm soát

1. Tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty như sau:

- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;
- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- đ. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ứng cử, đề cử ứng viên để bầu làm thành viên Ban Kiểm soát

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (tại ngày 7/4/2021) có quyền đề cử, ứng cử thành viên để bầu thành viên Ban Kiểm soát.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Ứng viên được Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm phải đủ tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này.

3. Hồ sơ ứng cử, đề cử ứng viên Ban Kiểm soát gồm

- Đơn ứng cử hoặc đề cử ứng viên Ban Kiểm soát theo mẫu công ty đăng tải trên website: moitruongdothidaklak.com.vn hoặc có thể nhận tại trụ sở Công ty (01 bản gốc).
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên thành viên Ban Kiểm soát theo mẫu công ty đăng tải trên website: moitruongdothidaklak.com.vn hoặc có thể nhận tại trụ sở Công ty (01 bản gốc).

- Tài liệu chứng minh người ứng cử hoặc người đề cử sở hữu cổ phần Công ty tại ngày 7/4/2021 đủ tỷ lệ được đề cử, ứng cử.
- Bản sao có công chứng CMND/CCCD, hộ khẩu và các văn bằng, chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn của ứng viên.
- Các văn bản khác chứng minh ứng viên đủ điều kiện, tiêu chuẩn (nếu có).

Điều 5. Thời gian tiếp nhận hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Hồ sơ đề cử, ứng cử xin gửi về Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk trước 16 giờ 00 phút ngày 17/4/2021 (trực tiếp hoặc tính theo dấu bưu điện, quá thời hạn trên hồ sơ không có giá trị) theo địa chỉ sau:

BAN TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

Tel : 0262.3816886

Fax : 0262.3816886

Liên hệ: Ông Nguyễn Quốc Tuấn, Trưởng phòng Tổ chức, Đt: 0934909006

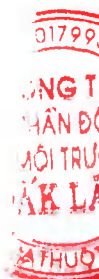
Điều 6. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu.

1. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

Dựa trên Đơn xin ứng cử, đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty, Ban tổ chức Đại hội sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định để đưa vào danh sách ứng viên tham gia bầu vào thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và thông qua danh sách tại Đại hội. Danh sách này được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

- Phiếu bầu được in theo mẫu thống nhất và đóng dấu Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk.
- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền hợp lệ 01 phiếu bầu Hội đồng quản trị và 01 phiếu bầu Ban Kiểm soát trên đó có ghi mã cổ đông, họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền.
- Cổ đông ghi số phiếu bầu cho từng ứng viên được chọn tên hoặc đánh dấu x vào ô số phiếu bầu của ứng viên đó. Trường hợp không bầu cho ứng viên nào thì cổ đông gạch ngang tên, điền số "0" hoặc để trống cột "số phiếu bầu".
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị ban tổ chức đổi phiếu bầu khác để ghi lại (chỉ đổi khi chưa bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu);
- Phiếu bầu chỉ được sửa chữa 01 lần duy nhất, cổ đông không được tẩy xóa, chỉ gạch ngang thông tin sai và ghi lại thông tin đúng (nếu có) đồng thời ký tên bên cạnh.



3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu bầu không do ban tổ chức phát hành, không theo mẫu quy định hoặc không có dấu của Công ty.
- Phiếu bầu ghi thêm người ngoài danh sách không thuộc danh sách ứng cử viên.
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng viên lớn hơn tổng số phiếu được quyền bầu.
- Phiếu bầu bị tẩy xóa trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này.
- Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền không ký xác nhận trên Phiếu bầu.

Điều 7. Phương thức bầu cử

Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu:

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu được quyền bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền hợp lệ nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát.
- Cổ đông có quyền phân bổ tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên hoặc Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một ứng viên.

Điều 8. Ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu gồm có 03 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giúp việc ban kiểm phiếu có các thành viên giúp việc khác. Ban kiểm phiếu và các thành viên giúp việc không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, bao gồm: Chuẩn bị hòm phiếu, phổ biến Quy chế bầu cử, danh sách ứng viên bầu HĐQT và BKS, trình tự bỏ phiếu; hướng dẫn ghi phiếu; giám sát việc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

Điều 9. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 10. Nguyên tắc trúng cử.

- Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định.
- Trong trường hợp không lựa chọn được số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát do có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng những người đó để chọn người có số phiếu bầu cao hơn.

Điều 11. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính;
 - Thành phần Ban kiểm phiếu;
 - Mục đích, nội dung bỏ phiếu;
 - Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;
 - Tỷ lệ phiếu bầu của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu bầu của cổ đông tham gia dự họp.
 - Số và tỉ lệ phiếu bầu hợp lệ, phiếu bầu không hợp lệ.
 - Số và tỉ lệ phiếu bầu cho từng ứng viên vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát
 - Danh sách các ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được sắp xếp theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp.
 - Chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.
2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 12. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quy chế này gồm có 13 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 4 năm 2021

**TM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Thanh Hà



TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Của Công Ty Cổ Phần Môi trường Đô thị Đắk Lắk đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 28/05/2019;

Căn cứ nhu cầu và tình hình thực tiễn về tổ chức, hoạt động của Công ty;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát như sau:

Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát đối với Bà Phan Lê Diễm Châu. Bà Phan Lê Diễm Châu đã có Đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ngày 02 tháng 04 năm 2021.

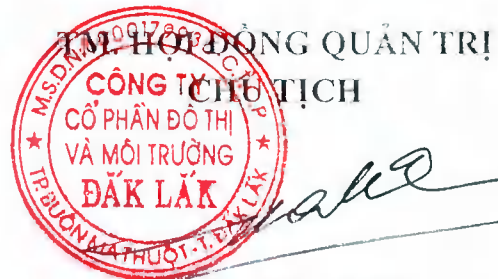
1. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát:

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát bầu bổ sung: 01 thành viên.
- Ứng viên thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện như quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Ban Kiểm soát của Công ty và pháp luật có liên quan.

2. Danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát: Danh sách ứng viên được tập hợp từ những người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có đầy đủ hồ sơ nộp về Công ty đúng thời hạn theo Thông báo về việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk. Danh sách này sẽ được công bố tại Đại hội trước thời điểm bầu cử.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!



Nguyễn Thanh Hà

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 4 năm 2021



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT BỔ SUNG
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk;

Hôm nay, vào lúc 11 giờ 15 ngày 27/4/2020, tại Hội trường Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, số 01 Đào Duy Từ, phường Thống Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, **Đại hội đồng cổ đông thường niên** (Đại hội) của Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk tiến hành kiểm phiếu bầu cử thành viên Ban kiểm soát bổ sung nhiệm kỳ 2019 – 2024. Ban kiểm phiếu gồm:

1. Ông Nguyễn Quốc Tuấn, Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Minh Hoàng, Nhân viên phòng Kế toán, thành viên
3. Bà Ngô Thị Thanh Thủy, nhân viên phòng Tổ chức, thành viên

Đã làm việc khẩn trương, trung thực, đúng quy định về thủ tục bầu cử tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm phiếu nhất trí lập biên bản như sau:

Số cổ đông hiện diện và được đại diện hợp lệ tại Đại hội là 62 cổ đông, nắm giữ 6.246.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,35% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu bầu cử phát ra: 62 phiếu; đại diện cho 6.246.200 quyền bầu cử
- Tổng số phiếu bầu cử thu về: 62 phiếu; đại diện cho 6.246.200 quyền bầu cử
- Tổng số phiếu bầu cử hợp lệ: 61 Phiếu;
- Tổng số phiếu bầu cử không hợp lệ: 01 phiếu; đại diện cho 26.400 quyền bầu cử.

Người được đề cử/ứng cử làm thành viên Ban kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019 – 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua là:

1. Bà Phan Thị Lam


Kết quả kiểm phiếu như sau:


TT	Họ và tên ứng cử viên	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ (%)
1	Bà Phan Thị Lam	6.024.600	96,45%

Với kết quả trên, danh sách trúng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc là: **Bà Phan Thị Lam**


Trên đây là kết quả kiểm phiếu bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Biên bản được lập và thông qua trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông./.

Thành viên


Ngô Thị Thanh Thủy


Nguyễn Minh Hoàng

**TM. BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN**


Nguyễn Quốc Tuấn

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Điều lệ Của Công Ty Cổ Phần Môi trường Đô thị Đắk Lắk đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 28/05/2019;

Nhu cầu thực tiễn về tổ chức, hoạt động của Công ty,

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Ngô Văn Lui. Ông Ngô Văn Lui đã có Đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngày 02 tháng 3 năm 2021.

2. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 01 thành viên.

- Ứng viên thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện như quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty và pháp luật có liên quan.

3. Danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Danh sách ứng viên được tập hợp từ những người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có đầy đủ hồ sơ nộp về Công ty đúng thời hạn theo Thông báo về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk. Danh sách này sẽ được công bố tại Đại hội trước thời điểm bầu cử.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!



Nguyễn Thanh Hà



Đắk Lắk, ngày 27 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BỔ SUNG
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk;

Hôm nay, vào lúc 11 giờ 15 ngày 27/4/2020, tại Hội trường Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, số 01 Đào Duy Từ, phường Thống Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, **Đại hội đồng cổ đông thường niên** (Đại hội) của Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk tiến hành kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị bổ sung nhiệm kỳ 2019 – 2024. Ban kiểm phiếu gồm:

1. Ông Nguyễn Quốc Tuấn, Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Minh Hoàng, Nhân viên phòng Kế toán, thành viên
3. Bà Ngô Thị Thanh Thủy, nhân viên phòng Tổ chức, thành viên

Đã làm việc khẩn trương, trung thực, đúng quy định về thủ tục bầu cử tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm phiếu nhất trí lập biên bản như sau:

Số cổ đông hiện diện và được đại diện hợp lệ tại Đại hội là 62 cổ đông, nắm giữ 6.246.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,35% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu bầu cử phát ra: 62 phiếu; đại diện cho 6.246.200 quyền bầu cử
- Tổng số phiếu bầu cử thu về: 62 phiếu; đại diện cho 6.246.200 quyền bầu cử
- Tổng số phiếu bầu cử hợp lệ: 62 phiếu;
- Tổng số phiếu bầu cử không hợp lệ: 0 phiếu.

Người được đề cử/ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2019 – 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua là:

1. Bà Phạm Thị Minh Hoa
2. Bà Lê Thị Oanh

Kết quả kiểm phiếu như sau:

TT	Họ và tên ứng cử viên	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ (%)
1	Bà Phạm Thị Minh Hoa	1.031.100	16,51%
2	Bà Lê Thị Oanh	5.157.400	82,57%

Với kết quả trên, danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc là:

Bà Lê Thị Oanh

Trên đây là kết quả kiểm phiếu bầu cử bổ sung thành viên hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắc Lắc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Biên bản được lập và thông qua trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông./.

THÀNH VIÊN



Ngô Thị Thanh Thủy



Nguyễn Minh Hằng

**TM. BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Quỳ Tiên

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 4 năm 2021

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk;

Hôm nay, vào lúc 11 giờ 15 ngày 27/4/2020, tại Hội trường Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, số 01 Đào Duy Từ, phường Thống Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, **Đại hội đồng cổ đông thường niên** (Đại hội) của Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk tiến hành kiểm phiếu biểu quyết.

Tổng số Cổ đông Đại diện và được đại diện hợp lệ tại Đại hội là 62 cổ đông, nắm giữ 6.246.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,35% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu bầu cử phát ra: 62 phiếu; đại diện cho 6.246.200 quyền bầu cử
- Tổng số phiếu bầu cử thu về: 62 phiếu; đại diện cho 6.246.200 quyền bầu cử
- Tổng số phiếu bầu cử hợp lệ: 62 phiếu;
- Tổng số phiếu bầu cử không hợp lệ: 0 phiếu.

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết như sau:

1. Thông Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020 và Kế hoạch công tác Hội đồng quản trị năm 2021

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **6.246.200** cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu biểu quyết không ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

2. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **6.246.200** cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu biểu quyết không ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.



Nội dung này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch công tác của Ban kiểm soát năm 2021

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **6.246.200** cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

4. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **6.246.200** cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

5. Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **6.246.200** cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

6. Thông qua Tờ trình mức chi thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch chi thù lao năm 2021

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **6.246.200** cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

7. Thông qua tờ trình Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **6.246.200** cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

8. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung về Điều lệ

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **6.246.200** cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua

9. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **6.246.200** cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua

10. Thông qua Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **6.246.200** cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

11. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kết quả biểu quyết:



- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **6.246.200** cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

12. Thông qua Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh mới của Công ty

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **6.246.200** cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết không ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua

13. Thông qua Tờ trình phương hướng và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành là: **6.246.200** cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết.


- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.


- Tổng số phiếu biểu quyết không ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.


Trên đây là kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Biên bản được lập và thông qua trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông./.

THÀNH VIÊN


Ngô Thị Thanh Thủy


Nguyễn Minh Hoàng

**BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN**


Nguyễn Quốc Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Buôn Ma Thuột, ngày 28 tháng 4 năm 2021

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

- 1/ Họ và tên: Lê Thị Oanh
- 2/ Giới tính: Nữ
- 3/ Ngày tháng năm sinh: 23/9/1962
- 4/ Nơi sinh: Thành phố Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang
- 5/ Số chứng nhân dân (hoặc hội chiếu): 240022681 Ngày cấp: 22/5/2005 Nơi cấp: Công an tỉnh Đắk Lắk
- 6/ Quốc tịch: Việt Nam
- 7/ Dân tộc: Kinh
- 8/ Địa chỉ thường trú: 47 Y Ngông - Phường Tân Thành - Thành phố Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk
- 9/ Số điện thoại: 0914.058.374
- 10/ Địa chỉ email: bichphuongbtt@yahoo.com
- 11/ Tên tổ chức công bố thông tin: Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk
- 12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức công bố thông tin: Thành viên hội đồng quản trị
- 13/ Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- 14/ Số cổ phần nắm giữ: Không có
- + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/Cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: Không có
- + Cá nhân sở hữu: Không có
- 15/ Các cam kết nắm giữ: Không có
- 16/ Danh sách người có liên quan của người khai



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH/C MND, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1	Lê Xuân Khoa	-		-	Phường Tân Thành - TP Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk	-	-	Bố đẻ	-
2	Vũ Thị Lý	-		-	Phường Tân Thành - TP Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk	-	-	Mẹ đẻ	-
3	Vũ Hải Triều	-		-	47 Y Ngông - TP Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk	-	-	Chồng	-
4	Vũ Hồng Quyết	-		-	47 Y Ngông - TP Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk	-	-	Con trai	-
5	Đỗ Bích Phượng	-		-	47 Y Ngông - TP Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk	-	-	Con dâu	
6	Vũ Thị Thanh Tâm	-		-	Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	-	-	Con gái	-
7	Huỳnh Anh Tuấn	-		-	Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	-	-	Con rể	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH/C MND, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
8	Lê Xuân Hùng	-	-	Đã mất năm 2015	Tỉnh Thừa Thiên Huế, đã mất năm 2015	-	-	Anh trai	-
9	Lê Thị Hường	-	-	-	45 Y Ngông, phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	-	-	Em gái	-
10	Nguyễn Ngọc Tuấn	-	-	-	45 Y Ngông, phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	-	-	Em rể	-



17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng, quỹ đại chúng: Không có

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng, quỹ đại chúng: Không có

Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Buôn Ma Thuột, ngày 28 tháng 4 năm 2021

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

1/ Họ và tên: Phan Thị Lam

2/ Giới tính: Nữ

3/ Ngày tháng năm sinh: 06/3/1992

4/ Nơi sinh: Xã Sơn Tây - Huyện Hương Sơn - Tỉnh Hà Tĩnh

5/ Số chứng nhân dân (hoặc hội chiếu): 241947412 Ngày cấp: 17/8/2018 Nơi cấp: Công an tỉnh Đắk Lắk

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú: 260 Hà Huy tập - Phường Tân Lợi - Thành phố Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

9/ Số điện thoại: 0935.75.49.79

10/ Địa chỉ email: phanthilam.kt@gmail.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Nhân viên phòng Tổ chức

13/ Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

14/ Số cổ phần nắm giữ: 2.200 Cổ phần chiếm 0,000332% vốn điều lệ

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/Cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: Không có

+ Cá nhân sở hữu: 2.200 Cổ phần

15/ Các cam kết nắm giữ:

16/ Danh sách người có liên quan của người khai



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH/CMND, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1	Phan Xuân Lâm	-	-		Xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; đã mất năm 2004	-	-	Bố đẻ	
2	Nguyễn Thị Sương			183629360 13/8/2015 CA Hà Tĩnh	Xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh			Mẹ đẻ	
3	Nguyễn Thị Bình			240768823 14/1/2016 CA Đắk Lắk	260 Hà Huy tập, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk			Mẹ Chồng	
4	Nguyễn Cảnh Hùng				260 Hà Huy tập, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã mất năm 2015			Bố Chồng	
5	Nguyễn Cảnh Tuấn Anh		Nhân viên Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk	241227905 24/02/2010 CA Đắk Lắk	260 Hà Huy tập, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk			Chồng	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH/CMND, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
6	Nguyễn Cảnh Phúc Nguyễn				260 Hà Huy tập, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk			Con trai	
7	Phan Thị Lê			184249541 28/5/2013 CA Hà Tĩnh	Xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh			Em gái	
8	Phan Thành Luân			184312967 19/3/2015 CA Hà Tĩnh	Xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh			Em trai	
9	Lê Đăng Linh				Xã Nghĩa Tân, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An			Em rể	

17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng, quỹ đại chúng: Không có

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty đại chúng, quỹ đại chúng: Không có

Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phan Thi Lam

